

Số: 179/QĐ-UBND

An Giang, ngày 18 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính  
lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc chức năng quản lý, thẩm quyền  
giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh An Giang tại Tờ trình số 597/TTr-SXD ngày 14 tháng 02 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Thay thế khoản I, Mục A, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng (theo Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Thay thế Quyết định số 1060/QĐ-UBND tỉnh ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình nội bộ được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT.

**Hồ Văn Mừng**

**PHỤ LỤC**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ,**  
**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 179 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2025*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**1. Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng /Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (1.009972.H01).**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>  Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng /Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.	Mã hiệu:	1.009972-BXD-1334/QĐ-BXD
		Ngày BH	31/12/2024

**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Hồng Huy	Nguyễn Hồng Linh	Phan Duy Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Phó Trưởng Phòng KT,VLXD&QLXD	Trưởng Phòng KT,VLXD&QLXD	Phó Giám đốc Sở Xây Dựng

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
- Theo Quyết định 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024	Các nội dung ở Dự thảo lần trước	Điều chỉnh nội dung, quy trình, số bước thực hiện, thời gian thực hiện	Lần 4	31/12/2024

của Bộ trưởng Bộ Xây dựng				
------------------------------	--	--	--	--

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, điều kiện cho tổ chức thực hiện thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.

## 2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Kinh tế, Vật liệu xây dựng – Quản lý Xây dựng, Chủ đầu tư hoặc tổ chức/cá nhân được người quyết định đầu tư/cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án (gọi chung là Người đề nghị thẩm định) thực hiện các dự án quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 175/2024/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 16 và điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<b>5.1</b>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.</li> <li>- Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Quyết định 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> </ul>		
<b>5.2</b>	<p><b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b></p> <p>Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, hợp lệ, đầy đủ thành phần hồ sơ phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ và đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận.</p>		
<b>5.3</b>	<p><b>Thành phần hồ sơ</b></p>	<p><b>Bản chính</b></p>	<p><b>Bản sao</b></p>

5.3.1. Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.	X	
5.3.2. Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với các dự án thuộc diện phải có quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư) hoặc quyết định phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đối với dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.		X
5.3.3. Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất đối với dự án thuộc trường hợp được chuyên tiếp theo quy định pháp luật về đầu tư không có yêu cầu phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư.		X
5.3.4. Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển và bản vẽ kèm theo (nếu có yêu cầu thi tuyển).		X
5.3.5. Văn bản/quyết định phê duyệt và bản đồ, bản vẽ kèm theo (nếu có) của quy hoạch sử dụng làm căn cứ lập dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;		X
5.3.6. Văn bản/quyết định phê duyệt và các bản vẽ có liên quan hoặc trích lục phần bản vẽ có liên quan (nếu có) của quy hoạch được sử dụng làm căn cứ lập quy hoạch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 17 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.		X
5.3.7. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định); Thủ tục về bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày;		X
5.3.8. Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam		X

(trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có).		
5.3.9. Các văn bản pháp lý, tài liệu khác có liên quan (nếu có);		X
5.3.10. Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án; Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có).	X	
5.3.11. Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra (nếu có);		X
5.3.12. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu có liên quan về giá, định mức, báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có) để xác định tổng mức đầu tư;	X	
5.3.13. Đối với dự án có vi phạm hành chính về xây dựng đã bị xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả có yêu cầu thực hiện thẩm định, thẩm định điều chỉnh, cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm trình thẩm định; biên bản, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cấp có thẩm quyền; Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của phần công trình đã thi công xây dựng;		X
5.3.14. Đối với dự án sửa chữa, cải tạo, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Hồ sơ khảo sát hiện trạng, Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của công trình (trường hợp nội dung sửa chữa, cải tạo có liên quan);		X
5.3.15. Ngoài các hồ sơ nêu trên, đối với dự án có quy mô từ nhóm B trở lên mà có công trình xây dựng mới từ cấp II trở lên,	X	

	<p>người đề nghị thẩm định có trách nhiệm cung cấp dữ liệu BIM của công trình theo các định dạng gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến. Dữ liệu BIM có thể bao gồm nhiều tệp tin nhưng dung lượng mỗi tệp tin không quá 500 MB. Dữ liệu BIM phải có các thông tin thể hiện được vị trí, hình dạng không gian ba chiều của công trình và đầy đủ kích thước chủ yếu các bộ phận chính của công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;</p>		
	<p>5.3.16. Đối với hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, còn phải làm rõ các nội dung sau:</p> <p>+ Lý do, mục tiêu điều chỉnh dự án, việc đáp ứng điều kiện điều chỉnh dự án theo pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP;</p> <p>+ Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh.</p>		X
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ: 08 bộ.</b>		
<b>5.5</b>	<p><b>Thời gian xử lý:</b> Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không quá 35 ngày đối với dự án nhóm A (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày).</li> <li>- Không quá 25 ngày đối với dự án nhóm B (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày).</li> <li>- Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày).</li> </ul>		
<b>5.6</b>	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tiếp qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>.</li> </ul>		
<b>5.7</b>	<p><b>Lệ phí:</b> Theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>		
<b>5.8</b>	<p><b>Quy trình xử lý công việc:</b></p> <p><b>5.8.1</b> Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh nhóm A (35 ngày x 08 giờ = 280 giờ; không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày).</p>		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tiếp qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>.</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPVHCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	.....
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo phê duyệt.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	112 giờ	.....
<b>Bước 3</b>	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	128 giờ	.....
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> <li>- Lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> </ul>	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	.....
			12 giờ	.....
<b>Bước 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và chuyển kết quả cho TTPV HCC (Văn bản điện tử và văn bản giấy)</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	.....
<b>Bước 6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</li> <li>(không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPVHCC	Không tính giờ	.....
<b>5.8.2</b>	<p><b>Quy trình xử lý công việc:</b>          Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh nhóm B (25 ngày x 08 giờ = 200 giờ; không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày).</p>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả



<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tiếp qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>.</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	.....
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo phê duyệt.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	80 giờ	.....
<b>Bước 3</b>	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	80 giờ	.....
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> <li>- Lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> </ul>	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ 12 giờ	.....
<b>Bước 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và chuyển kết quả cho TTPV HCC (Văn bản điện tử và văn bản giấy)</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	.....
<b>Bước 6</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPVHCC	Không tính giờ	.....
<b>5.8.3</b>	<p><b>Quy trình xử lý công việc:</b>          Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh nhóm C (15 ngày x 08 giờ = 120 giờ; không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày).</p>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/ Kết quả</b>

<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tiếp qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>.</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPVHCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	.....
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo phê duyệt.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	44 giờ	.....
<b>Bước 3</b>	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	.....
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> <li>- Lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> </ul>	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	.....
			12 giờ	
<b>Bước 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và chuyển kết quả cho TTPV HHC (Văn bản điện tử và văn bản giấy)</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	.....
<b>Bước 6</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPVHCC	Không tính giờ	.....

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (hoặc thiết kế cơ sở) theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh của cơ

		quan chuyên môn về xây dựng theo Mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
4	Mẫu số 04	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
5	Mẫu số 05	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh của cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định theo Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
6	Mẫu số 06	Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
7	Mẫu số 07	Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo Mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.

## 7. HỒ SƠ LƯU

**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
2	Hồ sơ pháp lý trình thẩm định; các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định (nếu có); thông báo kết quả thẩm định; các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

**Mẫu số 01****PHỤ LỤC I**

(Kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024  
của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả  
thi đầu tư xây dựng điều chỉnh**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều  
theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số  
62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số ...../2024/NĐ-CP ngày... tháng .... năm 2024 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động  
xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan .....

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định Báo cáo nghiên  
cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên công trình/dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa  
chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: ..... (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước  
ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án  
(nếu có):
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

13. Nhà thầu thẩm tra (nếu có);

14. Các thông tin khác (nếu có):

15. Phạm vi trình thẩm định: (toàn bộ dự án, từng dự án thành phần, hoặc theo phân kỳ đầu tư theo giai đoạn thực hiện đối với một hoặc một số công trình của dự án).

## II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: (liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (bao gồm tổng mức đầu tư; danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh;

- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên công trình/dự án) với các nội dung nêu trên.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố ... (để biết và quản lý);
- Lưu:...

### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu số 02**  
**PHỤ LỤC I**

*(Kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

**ĐƠN VỊ THẨM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA**  
**BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

**(hoặc THIẾT KẾ CƠ SỞ)**  
**(Tên công trình/dự án ...)**

Kính gửi: *(Tên chủ đầu tư)*.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số ...../2024/NĐ-CP ngày... tháng .... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra *(số hiệu hợp đồng)* giữa *(Tên chủ đầu tư)* và *(Tên đơn vị thẩm tra)* về việc thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/thiết kế cơ sở *(Tên công trình/dự án)*. Sau khi xem xét, *(Tên đơn vị thẩm tra)* báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

- Tên dự án:

- Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:

- Địa điểm xây dựng:

- Chủ đầu tư:

- Nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/thiết kế cơ sở:

- Các thông tin khác (nếu có):

**II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

1. Văn bản pháp lý:

*(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)*

2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có).

### III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM TRA

1. Nội dung thiết kế cơ sở.
2. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

### IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

*(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)*

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra *(nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định)*.
2. Nhận xét, đánh giá tính đầy đủ về các nội dung của thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 54 của Luật Xây dựng 2014.
3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

### V. KẾT QUẢ THẨM TRA

*(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)*

1. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ.
2. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
3. Các nội dung yêu cầu khác theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có).
4. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có). *(ghi cụ thể các nội dung yêu cầu nhà thầu tư vấn thiết kế phải chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ để làm cơ sở kết luận và đóng dấu thẩm tra)*

### VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/thiết kế cơ sở *(tên công trình/dự án)* đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

### CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- *(Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số...)*

- .....

*(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra, việc đóng dấu thẩm tra tại các bản vẽ được thực hiện sau khi nhà thầu thiết kế đã chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của nhà thầu tư vấn thẩm tra).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:.....

**ĐƠN VỊ THẨM TRA**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Mẫu số 04**  
**PHỤ LỤC I**

*(Kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

**Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v thông báo kết quả thẩm định

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng ...  
*(tên công trình/dự án)*

Kính gửi: *(Tên đơn vị đề nghị thẩm định)*.

*(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định)* đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... *(tên dự án)*.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số ...../2024/NĐ-CP ngày... tháng .... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ ... *(văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng)*;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, *(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định)* thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng *(tên công trình/dự án)* như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...)
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:



7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

## **II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

1. Văn bản pháp lý:

*(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)*

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

## **III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được gửi kèm theo văn bản yêu cầu thẩm định.

*(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, cốt xây dựng, bố trí công năng công trình)*

## **IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

1. Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng.
2. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn công trình và biện pháp bảo đảm an toàn công trình lân cận.
3. Việc lập tổng mức đầu tư xây dựng, xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng.
4. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án.
5. Sự phù hợp của phương án công nghệ (nếu có).
6. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

## **V. KẾT LUẬN**

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... *(tên công trình/dự án)* đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (tên công trình/dự án). Đề nghị (tên đơn vị đề nghị thẩm định) nghiên cứu thực hiện theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- ...;
- Lưu:...

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu số 05**  
**PHỤ LỤC I**

*(Kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v thông báo kết quả thẩm định  
Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng ...  
*(tên công trình/dự án)*

Kính gửi: *(Tên đơn vị đề nghị thẩm định)*.

*(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định)* đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... *(tên dự án)*.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ...*(văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng)*;  
Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, *(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định)* thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... *(tên công trình/dự án)* như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

**II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

1. Văn bản pháp lý:

*(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)*

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

### **III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được gửi kèm theo văn bản yêu cầu thẩm định.

*(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, cốt xây dựng, bố trí công năng công trình)*

### **IV. PHẠM VI VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH**

*Nêu phạm vi thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Xây dựng.*

### **V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

1. Sự phù hợp về quy hoạch, mục tiêu, quy mô đầu tư và các yêu cầu khác được xác định trong quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng.

2. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở với nhiệm vụ thiết kế; danh mục tiêu chuẩn áp dụng;

3. Giải pháp tổ chức thực hiện dự án, kinh nghiệm và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư, phương án giải phóng mặt bằng, hình thức thực hiện dự án;

4. Yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án bao gồm xác định tổng mức đầu tư xây dựng; nguồn vốn, khả năng huy động vốn theo tiến độ; phân tích rủi ro, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội;

5. Sự phù hợp của phương án công nghệ (nếu có);

6. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan và yêu cầu của người quyết định đầu tư.

### **VI. KẾT LUẬN**

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... *(tên công trình/dự án)* đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của *(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định)* về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... *(tên công trình/dự án)*. Đề nghị đơn vị đề nghị thẩm định nghiên cứu thực hiện theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu:...

**CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Mẫu số 06**  
**PHỤ LỤC I**

*(Kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)*

**Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án ... (tên dự án)**

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);*

*Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số ... của cơ quan thẩm định (nếu có);*

*Theo đề nghị của .... tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án... (tên dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng):
3. Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình (*với công trình xây dựng theo tuyến*):
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư:
6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:
8. Mục tiêu dự án:

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ, một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô kết cấu, giải pháp kỹ thuật của công trình chính thuộc dự án.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

12. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

13. Tiến độ thực hiện dự án (*thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của giai đoạn thực hiện dự án*); phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (*đối với dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về Đầu tư, pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư*):

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

16. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

17. Các nội dung khác (nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**PHỤ LỤC I**

(Kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

**Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án ... (tên dự án)**

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);

Theo đề nghị của .... tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án... (tên dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tên dự án:
- Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng):
- Địa điểm xây dựng; hướng tuyến công trình (với công trình xây dựng theo tuyến):
- Người quyết định đầu tư:
- Chủ đầu tư:
- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công:
- Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:
- Mục tiêu dự án:
- Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ; một số chỉ tiêu, thông số chính của công trình chính thuộc dự án.

10. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

11. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

12. Tiến độ thực hiện dự án (*thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của giai đoạn thực hiện dự án*); phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (*đối với dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về Đầu tư, pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư*):

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

16. Các nội dung khác (nếu có).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

**CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*



**2. Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>  Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.	Mã hiệu:	1.009973-BXD-1334/QĐ-BXD
		Ngày BH	31/12/2024

**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phạm Hồng Sơn	Đặng Tiến Hưng	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	CV. Phòng Giám định xây dựng	Trưởng phòng Giám định xây dựng	GD. Sở Xây dựng

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ Xây dựng	Các nội dung dự thảo lần trước	Cập nhật lại các cơ sở pháp lý	Lần 4	31/12/2024

**1. MỤC ĐÍCH**

Quy định cách thức, trình tự, thủ tục, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, điều kiện cho tổ chức thực hiện thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

## 2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Giám định Xây dựng và tổ chức thực hiện.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p><b>5.1</b></p>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020.</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.</li> <li>- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.</li> <li>- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.</li> <li>- Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> </ul>		
<p><b>5.2</b></p>	<p><b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b></p>		
	<p>Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 45, khoản 9 Điều 47, khoản 5 Điều 49 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt, được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ trình thẩm định.</p>		
<p><b>5.3</b></p>	<p><b>Thành phần hồ sơ</b></p>	<p><b>Bản chính</b></p>	<p><b>Bản sao</b></p>

	5.3.1. Tờ trình thẩm định quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.	<b>X</b>	
	<p>5.3.2. Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo;</li> <li>- Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu);</li> <li>- Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy);</li> <li>- Các văn bản khác có liên quan.</li> </ul> <p>(Thủ tục về phòng cháy chữa cháy được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày).</p>	<b>X</b>	<b>X</b>    <b>X</b>
	5.3.4. Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt.		<b>X</b>
	5.3.5. Hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định.	<b>X</b>	
	5.3.6. Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).		<b>X</b>
	5.3.7. Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 45 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, hồ sơ trình thẩm định phải có dự toán xây dựng; các thông tin, số	<b>X</b>	

	liệu có liên quan về giá, định mức, báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có) để xác định dự toán xây dựng;		
	5.3.8. Đối với công trình có vi phạm hành chính về xây dựng đã bị xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả có yêu cầu thực hiện thẩm định, thẩm định điều chỉnh, cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Báo cáo của chủ đầu tư về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm trình thẩm định; biên bản, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cấp có thẩm quyền; Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của phần công trình đã thi công xây dựng;	<b>X</b>	<b>X</b>
	5.3.9. Đối với công trình sửa chữa cải tạo, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Hồ sơ khảo sát hiện trạng, Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của công trình.	<b>X</b>	<b>X</b>
	5.3.10. Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, đối với dự án có quy mô từ nhóm B trở lên mà có công trình xây dựng mới từ cấp II trở lên, người đề nghị cần thẩm định có trách nhiệm cung cấp dữ liệu BIM của công trình theo các định dạng gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến. Dữ liệu BIM có thể bao gồm nhiều tệp tin nhưng dung lượng mỗi tệp tin không quá 500 MB. Dữ liệu BIM phải có các thông tin thể hiện được vị trí, hình dạng không gian ba chiều của công trình và đầy đủ kích thước chủ yếu các bộ phận chính của công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.		
	5.3.11. Đối với hồ sơ trình thẩm định <b>điều chỉnh</b> thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở: - Các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định 175/2024/NĐ-CP và hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đã được thẩm định, phê duyệt; - Báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình và lý do điều chỉnh của chủ đầu tư.	<b>X</b>          <b>X</b>	<b>X</b>

5.4	<p><b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ (Sở Xây dựng thẩm định 01 bộ).</p> <p>* <b>Ghi chú:</b> Trường hợp Sở Xây dựng cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan chuyên môn, tổ chức có liên quan. Sở Xây dựng sẽ yêu cầu chủ đầu tư bổ sung hồ sơ đối với những nội dung cần lấy ý kiến.</p>			
5.5	<p><b>Thời hạn giải quyết:</b>          Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:          - 40 ngày đối với công trình cấp I.          - 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III.          - 20 ngày đối với công trình còn lại (cấp IV).</p>			
5.6	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</p>			
5.7	<p><b>Lệ phí:</b> Theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>			
5.8	<p><b>Quy trình giải quyết công việc:</b></p>			
5.8.1	<p><i>Đối với thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, công trình cấp I: 40 ngày x 8 giờ = 320 giờ (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày).</i></p>			
TT	Trình tự		Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC)</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HCC	8 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	8 giờ	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	272 giờ	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo phê duyệt.</li> </ul>			
<b>Bước 3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> <li>- Lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> </ul>	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	8 giờ  12 giờ	.....
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HHC</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	12 giờ	
<b>Bước 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả kết quả cho chủ đầu tư (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	
<b>5.8.2</b>	<p><i>Đối với thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, công trình cấp II và cấp III: 30 ngày x 8 giờ = 240 giờ (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày).</i></p>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>		<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC)</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HCC	8 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	8 giờ	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	192 giờ	

	- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.			
<b>Bước 3</b>	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt. - Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	8 giờ 12 giờ	.....
<b>Bước 4</b>	- Văn phòng - Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	12 giờ	
<b>Bước 5</b>	- Trả kết quả cho chủ đầu tư (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	
<b>5.8.3</b>	<b><i>Đối với thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, công trình còn lại (cấp IV): 20 ngày x 8 giờ = 160 giờ (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày).</i></b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPVHCC	4 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	4 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	120 giờ	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo phê duyệt.</li> </ul>			
<b>Bước 3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> <li>- Lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> </ul>	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	8 giờ 12 giờ	.....
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	2 giờ	
<b>Bước 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả kết quả cho chủ đầu tư (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPVHCC	Không tính giờ	

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 08	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
2	Mẫu số 09	Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
3	Mẫu số 10	Công văn thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP.



2	Hồ sơ pháp lý trình thẩm định; các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định (nếu có); các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 19 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
3	Thông báo kết quả thẩm định.
4	Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp các bản chụp (định dạng .PDF) tài liệu hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đã được đóng dấu thẩm định của Sở Xây dựng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đóng dấu thẩm định. Trường hợp không thực hiện được việc lưu trữ theo bản định dạng .pdf, Sở Xây dựng yêu cầu người đề nghị thẩm định nộp bổ sung 01 bộ bản vẽ để đóng dấu lưu trữ.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

**Mẫu số 08**

(Tờ trình Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 175/2024/NĐ-CP)

**TÊN TỔ CHỨC**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm ....

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở**

**Kính gửi:** *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng).*

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số ...../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

*(Tên chủ đầu tư)* trình *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)* thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình: .....
2. Loại, Cấp công trình: .....
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt .....
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...): .....
5. Địa điểm xây dựng: .....
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: .....
7. Nguồn vốn đầu tư: ..... *(xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/Thực hiện theo phương thức PPP)*
8. Nhà thầu khảo sát xây dựng: .....
9. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: .....
10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: .....
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....
12. Các thông tin khác có liên quan: .....

## II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI TRÌNH THẨM ĐỊNH

*Ghi cụ thể nội dung trình thẩm định; trường hợp trình thẩm định theo giai đoạn thì có mô tả toàn bộ quy mô dự án; trường hợp trình thẩm định điều chỉnh thì có mô tả quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình.*

## III. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý: *(liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 của Nghị định này).*

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận;

- Hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm thuyết minh và bản vẽ *(bước thiết kế kỹ thuật hoặc bước thiết kế bản vẽ thi công được quy định tại Điều 39 và Điều 40 Nghị định này)*

- Dự toán xây dựng đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

*(theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 45 của Nghị định này)*

## IV. ĐÁNH GIÁ VỀ HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với yêu cầu về dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có).

3. Việc lập dự toán xây dựng công trình; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng.

*(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung nêu trên.*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố ... (để biết và quản lý);

Lưu:...

### **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Mẫu số 09**

(Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 175/2024/NĐ-CP)

**ĐƠN VỊ THẨM TRA**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG  
(Tên công trình ...)**Kính gửi: *(Tên chủ đầu tư)*.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số ...../2024/NĐ-CP ngày... tháng .... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... tháng... năm ... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ... về việc...;

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra *(số hiệu hợp đồng)* giữa *(Tên chủ đầu tư)* và *(Tên đơn vị thẩm tra)* về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng *(Tên công trình)*. Sau khi xem xét, *(Tên đơn vị thẩm tra)* báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.

2. Tên dự án:

3. Chủ đầu tư:

4. Giá trị dự toán xây dựng:

5. Nguồn vốn:

6. Địa điểm xây dựng:

7. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

8. Nhà thầu thiết kế xây dựng:

**II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

1. Văn bản pháp lý:

*(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)*

2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

### **III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

*(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình, bộ phận công trình)*

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng.

### **IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA**

*(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)*

Sau khi nhận được hồ sơ của *(Tên chủ đầu tư)*, qua xem xét *(Tên đơn vị thẩm tra)* báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá tính đầy đủ về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 của Luật Xây dựng năm 2014.

3. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

### **V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

*(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)*

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

*(Lập bảng thống kê chi tiết các nội dung điều chỉnh tại hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở so với thiết kế cơ sở đã được thẩm định và phê duyệt làm cơ sở để đánh giá về nội dung này)*

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

*(Lập bảng để đối chiếu các chỉ tiêu nêu tại hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở so với các chỉ tiêu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng)*

3. Đánh giá về an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

*Trên cơ sở nội dung thuyết minh tính toán kết cấu công trình và nền (nếu có) được quy định tại khoản 2 Điều 39 và các nội dung cần thiết khác do nhà thầu tư vấn thiết kế đề xuất. Nhà thầu tư vấn thẩm tra kiểm tra tính đúng đắn về các nội dung nêu tại thuyết minh tính toán kết cấu công trình so với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng làm cơ sở để kết luận về nội dung này;*

*Nhà thầu tư vấn thẩm tra kiểm tính độc lập với các nội dung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Nghị định này để đối chiếu so sánh với kết quả tính toán do nhà thầu tư vấn thiết kế lập làm cơ sở để kết luận về an toàn công trình trong quá trình sử dụng; bảo đảm an toàn công trình lân cận (nếu có);*

*Nội dung yêu cầu của nhà thầu tư vấn thẩm tra về sửa đổi hoặc bổ sung tiêu chí đánh giá về an toàn công trình được ghi cụ thể tại thông báo kết quả thẩm tra.*

4. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

*Kiểm tra việc thực hiện thủ tục Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường khi có yêu cầu;*

*Về sự tuân thủ các quy định về phòng, chống cháy, nổ khi có yêu cầu: trên cơ sở hồ sơ thiết kế xây dựng kèm theo thuyết minh đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ do nhà thầu tư vấn đề xuất, nhà thầu thẩm tra lập bản để đối chiếu việc đáp ứng yêu cầu đối với các chỉ tiêu được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ.*

6. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có). (ghi cụ thể các nội dung yêu cầu nhà thầu tư vấn thiết kế phải chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ để làm cơ sở kết luận và đóng dấu thẩm tra)

## **VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Hồ sơ thiết kế xây dựng đề nghị thẩm tra bảo đảm tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng, an toàn công trình trong quá trình sử dụng, bảo đảm an toàn công trình lân cận (nếu có) và đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

### **CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN**

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

- .....

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra, việc đóng dấu thẩm tra tại các bản vẽ được thực hiện sau khi nhà thầu thiết kế đã chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của nhà thầu tư vấn thẩm tra).

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:.....

### **ĐƠN VỊ THẨM TRA**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu số 10**

(Công văn thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 175/2024/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN  
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Kính gửi: *(Tên Đơn vị đề nghị thẩm định)*.

*(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)* đã nhận Tờ trình số .... ngày .... tháng... năm ... của ... đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (nếu có) *(tên công trình)* ..... thuộc dự án đầu tư .....

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan .....

Sau khi xem xét, *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)* thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình:

2. Mã số thông tin công trình (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng):

3. Loại, cấp công trình:

4. Tên dự án đầu tư xây dựng:

5. Địa điểm xây dựng:

6. Chủ đầu tư:

7. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng (nếu có):
10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

## **II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

1. Văn bản pháp lý:

*(Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan trong hồ sơ trình theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định này)*

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

*(Liệt kê các hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định này)*

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

*Liệt kê: Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).*

## **III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình và các nội dung khác (nếu có).

## **IV. PHẠM VI, CƠ SỞ VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH**

1. *Nêu cơ sở trình thẩm định đối với các trường hợp điều chỉnh thiết kế, giấy phép xây dựng, xử lý vi phạm hành chính.*

2. *Nêu phạm vi thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các nội dung theo quy định; nguyên tắc thẩm định theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.*

## **V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng. *(thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Nghị định này).*

2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế. *(thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định này).*

3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định. *(thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định này; trường hợp thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở có nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở đã được thẩm định thì cơ quan thẩm định ghi cụ thể các nội dung điều chỉnh làm cơ sở nhận xét, đánh giá sự phù hợp. Việc đánh giá là phù hợp khi nội dung điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền điều chỉnh của chủ đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định này).*

4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định. *(thực*



hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 46 Nghị định này; trường hợp không có thẩm tra thì cơ quan thẩm định kiểm tra tính đầy đủ với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 39 để nhận xét, đánh giá về bảo đảm an toàn công trình).

5. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng (nếu có yêu cầu). (thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng).

6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường. (thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 46).

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

## **VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở ... (tên công trình/dự án) đủ điều kiện/ chưa đủ điều kiện/ chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: .....

### **CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**3. Quy trình Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã TTHC:	1.009974.H01
	<b>Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</b>	Ngày BH	

### MỤC LỤC

#### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Nguyễn Ngọc Ngân Châu	Lâm Hùng Tài	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

#### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

### 1. MỤC ĐÍCH

1.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân,

tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

1.2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

1.3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

## **2. PHẠM VI**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

## **3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## **4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT**

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

## **5. NỘI DUNG QUY TRÌNH**

<p><b>5.1</b></p>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</li> <li>- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.</li> </ul>
<p><b>5.2</b></p>	<p><b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản).</li> <li>- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</li> <li>- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</li> <li>- Các loại quy hoạch sử dụng làm căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP là cơ sở xem xét cấp giấy phép xây dựng.</li> <li>- Văn bản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng của dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Xây dựng năm 2014 là một trong các loại giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết rút gọn và bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn đã được phê duyệt;</li> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng và Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được phê duyệt;</li> </ul> </li> </ul>

	<p>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt;</p> <p>+ Văn bản chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Nghị định 175/2024/NĐ-CP.</p> <p>- Đối với khu vực đã có quy hoạch xây dựng và theo quy định, dự án đầu tư xây dựng phải phù hợp với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác thì quy hoạch xây dựng và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành này là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với khu vực chưa có quy hoạch xây dựng thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác có liên quan hoặc thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.</p>		
5.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ, thành phần hồ sơ khác cho từng loại công trình, cụ thể như sau:</p> <p><b>(1.1) Đối với công trình không theo tuyến:</b></p> <p>- Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật</p>	01 bản	01 bản

về xây dựng qua các thời kỳ.

+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024.

+ Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất. + Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.

+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.

+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng. + Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.

+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; kết quả thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng).

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được phê duyệt hoặc đóng dấu xác nhận theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc

các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

- Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư cần cung cấp dữ liệu BIM của công trình theo các định dạng gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Dữ liệu BIM có thể bao gồm nhiều tệp tin nhưng dung lượng của mỗi tệp tin không quá 500 MB. Nội dung dữ liệu BIM nộp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng phải có các thông tin thể hiện được vị trí, hình dạng không gian ba chiều của công trình, trong đó thể hiện đầy đủ kích thước chủ yếu các bộ phận chính của công trình.

**(1.2) Đối với công trình theo tuyến:**

- Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.



+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024.

+ Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

+ Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.

+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc

văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.

+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

+ Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.

+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định này; kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng).

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu

chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

- Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư cần cung cấp dữ liệu BIM của công trình theo các định dạng gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Dữ liệu BIM có thể bao gồm nhiều tệp tin nhưng dung lượng của mỗi tệp tin không quá 500 MB. Nội dung dữ liệu BIM nộp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng phải có các thông tin thể hiện được vị trí, hình dạng không gian ba chiều của công trình, trong đó thể hiện đầy đủ kích thước chủ yếu các bộ phận chính của công trình.

***(1.3) Đối với công trình tôn giáo:***

- Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp Mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024.

+ Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

+ Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.

+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định

của pháp luật.

+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

+ Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.

+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng);

+ 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được phê duyệt hoặc đóng dấu xác nhận theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

+ Và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Công trình tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục

hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Khuyến khích chủ đầu tư chủ động áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư cần cung cấp dữ liệu BIM của công trình theo các định dạng gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Dữ liệu BIM có thể bao gồm nhiều tệp tin nhưng dung lượng của mỗi tệp tin không quá 500 MB. Nội dung dữ liệu BIM nộp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng phải có các thông tin thể hiện được vị trí, hình dạng không gian ba chiều của công trình, trong đó thể hiện đầy đủ kích thước chủ yếu các bộ phận chính của công trình.

- Công trình tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

**(1.4). Đối với công trình tín ngưỡng:**

- Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ. + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024.

+ Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

+ Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.

+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.

+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

+ Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.

+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Hồ sơ thiết kế xây dựng: 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo; kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề (đối với công trình xây dựng có công trình liền kề).

- Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về



tín ngưỡng, tôn giáo có quy định); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng;

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 55 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư cần cung cấp dữ liệu BIM của công trình theo các định dạng gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Dữ liệu BIM có thể bao gồm nhiều tệp tin nhưng dung lượng của mỗi tệp tin không quá 500 MB. Nội dung dữ liệu BIM nộp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng phải có các thông tin thể hiện được vị trí, hình dạng không gian ba chiều của công trình, trong đó thể hiện đầy đủ kích thước chủ yếu các bộ phận chính của công trình.

***(1.5) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:***

- Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm:

Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024.

+ Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất. + Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối

với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.

+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.

+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.

+ Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.

+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; kết quả thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được phê duyệt và đóng dấu xác nhận theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công

	<p>trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>- Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.</p> <p>- Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư cần cung cấp dữ liệu BIM của công trình theo các định dạng gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Dữ liệu BIM có thể bao gồm nhiều tệp tin nhưng dung lượng của mỗi tệp tin không quá 500 MB. Nội dung dữ liệu BIM nộp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng phải có các thông tin thể hiện được vị trí, hình dạng không gian ba chiều của công trình, trong đó thể hiện đầy đủ kích thước chủ yếu các bộ phận chính của công trình.</p> <p><b><i>(1.5) Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:</i></b></p> <p>- Hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng đối với công trình ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam được thực hiện theo quy định tương ứng tại mục (1.1) “<i>Đối với công trình không theo tuyến</i>” và mục (1.2) “<i>Đối với công trình theo tuyến</i>”</p> <p>- Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.</p> <p>- Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư cần cung cấp dữ liệu BIM của công trình theo các định dạng gốc và định dạng chuẩn IFC 4.0 hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình bằng các thiết bị lưu trữ phổ biến theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Dữ liệu BIM có thể bao gồm nhiều tệp tin nhưng dung lượng của mỗi tệp tin không quá 500 MB. Nội dung dữ liệu BIM nộp cho cơ quan chuyên môn về xây dựng phải có các thông tin thể hiện được vị trí, hình dạng không gian ba chiều của công trình, trong đó thể hiện đầy đủ kích thước chủ yếu các bộ phận chính của công trình.</p>		
5.4	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 02 bộ.		
5.5	<b>Thời gian xử lý:</b> 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		

5.6	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> </ul>			
5.7	<p><b>Lệ phí:</b> áp dụng mức thu phí theo Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp mới giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép): 75.000 đồng/giấy phép.</li> <li>- Cấp mới giấy phép xây dựng các công trình khác 150.000 đồng/giấy phép xây dựng.</li> </ul>			
5.8	<p><b>Quy trình xử lý công việc:</b> 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ, không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày.</p>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính.</li> </ul> <p>Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPV HCC) Hoặc nộp Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPVHCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Phiếu Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	96 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ

	- Trình lãnh đạo Tờ trình.			chưa phù hợp
<b>Bước 3</b>	Lấy ý kiến các Sở ngành có liên quan (Nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	Văn bản ý kiến
<b>Bước 4</b>	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
<b>Bước 5</b>	- Văn phòng - Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
<b>Bước 6</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ	<p><b>ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG</b></p> <p>(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dờ công trình)</p>

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).

3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

## ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: *Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/*

*Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)*

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):.....; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:.....

- Người đại diện: .....; Chức vụ: .....

Số định danh cá nhân:.....Số điện thoại: .....

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:

Lô đất số:.....Diện tích .....m<sup>2</sup>.

Tại số nhà: ..... đường/phố .....

phường/xã: ..... quận/huyện:.....

tỉnh, thành phố: .....

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: .....

Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: .....

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: .....

- Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế: .....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m.

- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m<sup>2</sup> (*ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum*).



- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).

- Số tầng: .....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

#### 4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình:.....m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt xây dựng: .....m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).

- Chiều cao tính không của tuyến: .....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).

- Độ sâu công trình: .....m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

#### 4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>. Cốt xây dựng:.....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m. Chiều cao công trình: .....m.

#### 4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: .....

- Cốt xây dựng: .....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m.

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn:..... m<sup>2</sup> (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

#### 4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

#### 4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

+ Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn .....

## 4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án: .....
- Đã được: .....phê duyệt, theo Quyết định số: .....ngày.....
- Gồm: (n) công trình
- Trong đó:
- Công trình số (1-n): (tên công trình)
- \* Loại công trình: .....Cấp công trình: .....
- \* Cốt xây dựng: .....m.
- \* Khoảng lùi (nếu có): .....m.
- \* Các thông tin chủ yếu của công trình: .....

## 4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:
- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup>.
- Chiều cao công trình: .....m.
- Địa điểm công trình di dời đến:
- Lô đất số:.....Diện tích ..... m<sup>2</sup>.
- Tại: ..... đường: .....
- phường (xã) .....quận (huyện) .....
- tỉnh, thành phố: .....
- Số tầng: .....
- Cốt xây dựng: .....m.
- Khoảng lùi (nếu có): .....m.
- 5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

- 1 -
- 2 -

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**4. Quy trình Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã TTHC:	1.009975. H01
	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	Ngày BH	...../.../20....

### MỤC LỤC

#### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Nguyễn Ngọc Ngân Châu	Lâm Hùng Tài	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

#### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

### 1. MỤC ĐÍCH

1.1 Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biệt và chấp hành đúng quy định

pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

1.2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

1.3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

## 2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<b>5.1</b>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</li> </ul>
------------	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</li> <li>- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.</li> </ul>
<b>5.2</b>	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản).</li> <li>- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</li> <li>- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</li> <li>- Các loại quy hoạch sử dụng làm căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP là cơ sở xem xét cấp giấy phép xây dựng.</li> <li>- Văn bản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng của dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Xây dựng năm 2014 là một trong các loại giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết rút gọn và bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn đã được phê duyệt;</li> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng và Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được phê duyệt;</li> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt;</li> <li>+ Văn bản chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Nghị định 175/2024/NĐ-CP.</li> </ul> </li> <li>- Đối với khu vực đã có quy hoạch xây dựng và theo quy định, dự án đầu tư xây dựng phải phù hợp với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác thì quy hoạch xây dựng và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành này là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</li> </ul>

	<p>- Đối với khu vực chưa có quy hoạch xây dựng thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác có liên quan hoặc thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.</p>		
5.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.</p> <p><b>(1.1). Đối với công trình không theo tuyến:</b></p> <p>- Một trong những loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 Nghị số 175/2024/NĐ-CP bao gồm: + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ. + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ. + Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ. + Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ. + Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai. + Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm</p>	01 bản	01 bản

	<p>quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. + Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024. + Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.</p> <p>+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.</p> <p>+ Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy</p>		
--	---	--	--

	<p>phép xây dựng. + Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.</p> <p>+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai...</p> <p>- Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu 10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; kết quả thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng).</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được phê duyệt hoặc đóng dấu xác nhận theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>- Khuyến khích chủ đầu tư chủ động áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.</p> <p><b>(1.2). Đối với công trình theo tuyến:</b></p> <p>- Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:</p>		
--	---	--	--



	<p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ. + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.</p> <p>+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.</p> <p>+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.</p> <p>+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác</p>		
--	--	--	--

	<p>theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.</p> <p>+ Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>+ Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.</p> <p>+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>+ Hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định này; kết quả thực hiện thủ tục</p>		
--	---	--	--

hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng).

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

- Khuyến khích chủ đầu tư chủ động áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

**(1.3). Đối với công trình tôn giáo:**

- Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ. + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

	<p>+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.</p> <p>+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.</p> <p>+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.</p> <p>+ Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng</p>		
--	--	--	--

	<p>trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>+ Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.</p> <p>+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Công trình tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.</p> <p>- Khuyến khích chủ đầu tư chủ động áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.</p> <p><b>(1.4). Đối với công trình tín ngưỡng:</b></p> <p>- Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.</p>		
--	--	--	--

	<p>+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.</p> <p>+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.</p> <p>+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.</p> <p>+ Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường</p>		
--	---	--	--

	<p>hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>+ Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.</p> <p>+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>+ Hồ sơ thiết kế xây dựng: 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo; kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề (đối với công trình xây dựng có công trình liền kề).</p> <p>- Ý kiến của cơ q uan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có quy định); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng;</p> <p>- Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di</p>		
--	---	--	--

tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 55 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Khuyến khích chủ đầu tư chủ động áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

**(1.5). Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:**

- Một trong những giấy tờ hợp pháp về đất đai chứng minh sự phù hợp mục đích sử dụng đất và sở hữu công trình để cấp phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ. + Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng



	<p>nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024. + Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.</p> <p>+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.</p> <p>+ Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>+ Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên,</p>		
--	---	--	--

	<p>người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.</p> <p>+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 54 Điều 43 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; kết quả thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p>- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) được phê duyệt và đóng dấu xác nhận theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>- Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.</p> <p>- Khuyến khích chủ đầu tư chủ động áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.</p>		
5.4	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 02 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5.6	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ Bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> </ul>		
5.7	- <b>Lệ phí:</b> Không quy định trong Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn		

	tỉnh An Giang.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ, không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày.			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/ Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ Bưu chính.</li> </ul> Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a> . <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (TTPVHCC) Hoặc nộp Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPVHCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Phiếu chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo Tờ trình.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	96 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
<b>Bước 3</b>	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	Văn bản ý kiến
<b>Bước 4</b>	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
<b>Bước 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và

				bản vẽ được duyệt
<b>Bước 6</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.	<p align="center"><b>ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG</b></p> <p>(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)</p>

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

**Phụ lục II - Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

(Sử dụng cho công trình: *Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dời công trình*)

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):.....; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:.....

- Người đại diện: .....; Chức vụ: .....

Số định danh cá nhân:.....Số điện thoại: .....

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:

Lô đất số:.....Diện tích .....m<sup>2</sup>.

Tại số nhà: ..... đường/phố .....

phường/xã: ..... quận/huyện:.....

tỉnh, thành phố: .....

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: .....

Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: .....

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: .....

- Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế: .....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m.

- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m<sup>2</sup> (*ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum*).

- Chiều cao công trình: .....m (*trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có*).

- Số tầng: .....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình:.....m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt xây dựng: .....m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).

- Chiều cao tính không của tuyến: .....m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).

- Độ sâu công trình: .....m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>. Cốt xây dựng:.....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m. Chiều cao công trình: .....m.

4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: .....

- Cốt xây dựng: .....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m.

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn:..... m<sup>2</sup> (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

+ Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn .....

4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:.....

Đã được: .....phê duyệt, theo Quyết định số: .....ngày.....

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (tên công trình)

\* Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

\* Cốt xây dựng: .....m.

\* Khoảng lùi (nếu có): .....m.

\* Các thông tin chủ yếu của công trình: .....

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup>.

- Chiều cao công trình: .....m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

Lô đất số:.....Diện tích ..... m<sup>2</sup>.

Tại: ..... đường: .....

phường (xã) .....quận (huyện) .....

tỉnh, thành phố: .....

- Số tầng: .....

- Cốt xây dựng: .....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m.

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

1 -

2 -

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**5. Quy trình Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã TTHCC	1.009976. H01
--------------------------------	------------------	----------	------------------

<b>GIANG</b>	<b>Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</b>	Ngày BH	...../.../20...
--------------	--	---------	-----------------

## MỤC LỤC

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

<b>Trách nhiệm</b>	<b>Soạn thảo</b>	<b>Xem xét</b>	<b>Phê duyệt</b>
<b>Họ tên</b>	Nguyễn Ngọc Ngân Châu	Lâm Hùng Tài	Nguyễn Quốc Cường
<b>Chữ ký</b>			
<b>Chức vụ</b>	<b>Chuyên viên</b>	<b>Trưởng phòng</b>	<b>Giám đốc</b>

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

<b>Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung</b>	<b>Trang / Phần liên quan việc sửa đổi</b>	<b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>	<b>Lần ban hành / Lần sửa đổi</b>	<b>Ngày ban hành</b>

## I. MỤC ĐÍCH

1.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biệt và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.



1.2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

1.3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

## 2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu xin giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<b>5.1</b>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</li> </ul>
------------	--

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</li> <li>- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.</li> </ul>
<b>5.2</b>	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản).</li> <li>- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</li> <li>- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</li> <li>- Các loại quy hoạch sử dụng làm căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP là cơ sở xem xét cấp giấy phép xây dựng.</li> <li>- Văn bản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng của dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Xây dựng năm 2014 là một trong các loại giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết rút gọn và bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn đã được phê duyệt;</li> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng và Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được phê duyệt;</li> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt;</li> </ul> </li> </ul>

	<p>+ Văn bản chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Nghị định 175/2024/NĐ-CP.</p> <p>- Đối với khu vực đã có quy hoạch xây dựng và theo quy định, dự án đầu tư xây dựng phải phù hợp với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác thì quy hoạch xây dựng và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành này là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với khu vực chưa có quy hoạch xây dựng thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác có liên quan hoặc thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.</p>		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	<p>Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.</p> <p>- Các tài liệu quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 97 Luật Xây dựng năm 2014 bao gồm:</p> <p>+ Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến.</p> <p>+ Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.</p>	01	01

	<p>+ Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; phân bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.</p> <p>- Khuyến khích áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.</p>			
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 02 bộ.			
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
<b>5.6</b>	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ Bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> </ul>			
<b>5.7</b>	<p>- <b>Lệ phí:</b> Không nằm trong danh mục thu phí tại Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>			
<b>5.8</b>	<p><b>Quy trình xử lý công việc:</b> 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ, không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày.</p>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>

<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ Bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPV HCC) Hoặc nộp Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>-Phiếu chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo Tờ trình.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	96 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
<b>Bước 3</b>	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	Văn bản ý kiến
<b>Bước 4</b>	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
<b>Bước 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

<b>Bước 6</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
---------------	--	--------------------------	----------------	---

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ	<p><b>ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG</b></p> <p>(Sử dụng cho công trình: <i>Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/</i></p> <p><i>Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án/Di dời công trình</i>)</p>

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

### Phụ lục II - Mẫu số 01

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: *Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/*

*Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án/Di dời công trình*)

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):.....; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:.....

- Người đại diện: .....; Chức vụ: .....

Số định danh cá nhân:.....Số điện thoại: .....

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:

Lô đất số:.....Diện tích .....m<sup>2</sup>.

Tại số nhà: .....đường/phố .....

phường/xã: .....quận/huyện:.....

tỉnh, thành phố: .....

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: .....

Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: .....

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: .....

- Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:.....

- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế: .....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>.

- Cốt xây dựng: .....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m.

- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m<sup>2</sup> (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

- Chiều cao công trình: .....m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).

- Số tầng: .....(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Tổng chiều dài công trình:.....m (*ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố*).

- Cốt xây dựng: .....m (*ghi rõ cốt qua từng khu vực*).

- Chiều cao tính không của tuyến: .....m (*ghi rõ chiều cao qua các khu vực*).

- Độ sâu công trình: .....m (*ghi rõ độ sâu qua từng khu vực*).

4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Diện tích xây dựng: .....m<sup>2</sup>. Cốt xây dựng:.....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m. Chiều cao công trình: .....m.

4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình: .....

- Cốt xây dựng: .....m.

- Khoảng lùi (nếu có): .....m.

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn:..... m<sup>2</sup> (*trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum*).

- Chiều cao công trình: .....m (*trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum*).

- Số tầng: (*trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum*).

4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: .....Cấp công trình: .....

+ Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn .....

4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:.....

Đã được: .....phê duyệt, theo Quyết định số: .....ngày.....

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (*tên công trình*)



- \* Loại công trình: .....Cấp công trình: .....
- \* Cốt xây dựng: .....m.
- \* Khoảng lùi (nếu có): .....m.
- \* Các thông tin chủ yếu của công trình: .....

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:
- Loại công trình: .....Cấp công trình: .....
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): .....m<sup>2</sup>.
- Tổng diện tích sàn: .....m<sup>2</sup>.
- Chiều cao công trình: .....m.
- Địa điểm công trình di dời đến:  
Lô đất số:.....Diện tích ..... m<sup>2</sup>.  
Tại: ..... đường: .....  
phường (xã) .....quận (huyện) .....  
tỉnh, thành phố: .....
- Số tầng: .....
- Cốt xây dựng: .....m.
- Khoảng lùi (nếu có): .....m.

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: ..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

- 1 -
- 2 -

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**6. Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án): (Mã số TTHC: 1.009977.000.00.00.H01)**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã TTHC:	1.009977.H01
-----------------------------	------------------	-------------	--------------

<b>AN GIANG</b>	<b>Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)</b>	Ngày BH	
-----------------	--	---------	--

**MỤC LỤC****SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

<b>Trách nhiệm</b>	<b>Soạn thảo</b>	<b>Xem xét</b>	<b>Phê duyệt</b>
<b>Họ tên</b>	Nguyễn Ngọc Ngân Châu	Lâm Hùng Tài	Nguyễn Quốc Cường
<b>Chữ ký</b>			
<b>Chức vụ</b>	<b>Chuyên viên</b>	<b>Trưởng phòng</b>	<b>Giám đốc</b>

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

<b>Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung</b>	<b>Trang / Phần liên quan việc sửa đổi</b>	<b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>	<b>Lần ban hành / Lần sửa đổi</b>	<b>Ngày ban hành</b>
.....				

**1. MỤC ĐÍCH**

1.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền

và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

1.2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

1.3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

## 1. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

## 2. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 3. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

## 4. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<b>5.1</b>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</li> </ul>
------------	--

	<p>- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</p> <p>- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.</p>		
<b>5.2</b>	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>		
	<p>- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản).</p> <p>- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hoá; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</p> <p>- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</p> <p>- Đối với khu vực đã có quy hoạch xây dựng và theo quy định, dự án đầu tư xây dựng phải phù hợp với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác thì quy hoạch xây dựng và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành này là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng;</p> <p>- Đối với khu vực chưa có quy hoạch xây dựng thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác có liên quan hoặc thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.</p>		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>

	- Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP 1.M02.PLII.CtcpII.docx.	01 bản	01 bản
	- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng điều chỉnh triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng tương ứng theo quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;	02	
	- Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế xây dựng điều chỉnh (trừ nhà ở riêng lẻ) của chủ đầu tư, trong đó phải có nội dung về bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường; kèm theo các hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 55 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với phần điều chỉnh thiết kế;		01
	- Đối với trường hợp việc điều chỉnh thiết kế có thay đổi về diện tích sử dụng đất hoặc chức năng sử dụng đất của công trình đề nghị cấp giấy phép xây dựng thì phải có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP bao gồm:		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật Đất đai qua các thời kỳ.</li> <li>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ.</li> <li>+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở qua các thời kỳ.</li> <li>+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.</li> <li>+ Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được tổ chức đăng ký</li> </ul>		01

	<p>đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>+ Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.</p> <p>+ Báo cáo hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế sử dụng và xử lý theo quy định tại Điều 142, Điều 145 Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hoặc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hoá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.</p> <p>+ Văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten và các công trình tương tự khác theo quy định của pháp luật có liên quan tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng đối với loại công trình này và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.</p> <p>+ Giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.</p> <p>+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất của cơ</p>		
--	---	--	--

	<p>quan nhà nước có thẩm quyền có mục đích sử dụng đất chính đối với trường hợp xây dựng công trình trên đất được sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024.</p> <p>+ Hợp đồng thuê đất được giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.</p> <p>+ Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng) xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 53 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>+ Trường hợp chủ đầu tư thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình của chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình để đầu tư xây dựng thì ngoài một trong các giấy tờ nêu trên, người đề nghị cấp giấy phép xây dựng bổ sung hợp đồng hợp pháp về việc thuê đất hoặc thuê công trình, bộ phận công trình tương ứng.</p> <p>+ Các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về đất đai.</p>		
	<p>- Khuyến khích áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.</p>		01
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 02 bộ.		
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
<b>5.6</b>	<p><b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ Bru chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> </ul>		

5.7	- <b>Lệ phí:</b> 50.000 đồng/giấy phép xây dựng được quy định tại Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang..			
5.8	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ, không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết khi trong thời gian thực hiện thủ tục hành chính có số ngày nghỉ lễ, tết lớn hơn 03 ngày.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ Bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPV HCC) Hoặc nộp Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>-Phiếu chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo Tờ trình.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	96 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
<b>Bước 3</b>	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	Văn bản ý kiến
<b>Bước 4</b>	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp



<b>Bước 5</b>	- Văn phòng Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyet
<b>Bước 6</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

### 5. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.	<b>ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG</b> (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

### 6. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

Phụ lục II - Mẫu số 02

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG***(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)*

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):...; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:..
- Người đại diện: .....; Chức vụ: .....; Số định danh cá nhân:.....
- Số điện thoại: .....

2. Địa điểm xây dựng:

Lô đất số:.....Diện tích ..... m<sup>2</sup>.

Tại: ..... đường: .....

phường (xã) .....quận (huyện) .....

tỉnh, thành phố: .....

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

- .....

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

- .....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: ..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

1 -

2 -

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**7. Quy trình Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) 1.009978.000.00.00.H01.**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã TTHC:	<b>1.009978.00 0.00.00.H01</b>
	<b>Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</b>	Ngày BH	...../.../20....

**MỤC LỤC****SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

<b>Trách nhiệm</b>	<b>Soạn thảo</b>	<b>Xem xét</b>	<b>Phê duyệt</b>
<b>Họ tên</b>	Nguyễn Ngọc Ngân Châu	Lâm Hùng Tài	Nguyễn Quốc Cường

<b>Chữ ký</b>			
<b>Chức vụ</b>	<b>Chuyên viên</b>	<b>Trưởng phòng</b>	<b>Giám đốc</b>

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

<b>Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung</b>	<b>Trang / Phần liên quan việc sửa đổi</b>	<b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>	<b>Lần ban hành / Lần sửa đổi</b>	<b>Ngày ban hành</b>
.....				

## 1. MỤC ĐÍCH

1.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biệt và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

1.2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

1.3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

## 2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang

- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p><b>5.1</b></p>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</li> <li>- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.</li> </ul>
<p><b>5.2</b></p>	<p><b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản).</li> <li>- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</li> </ul> </li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</li> <li>- Các loại quy hoạch sử dụng làm căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP là cơ sở xem xét cấp giấy phép xây dựng.</li> <li>- Văn bản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng của dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Xây dựng năm 2014 là một trong các loại giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết rút gọn và bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn đã được phê duyệt;</li> </ul> </li> </ul>

	<p>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng và Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được phê duyệt; + Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt;</p> <p>+ Văn bản chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Nghị định 175/2024/NĐ-CP.</p> <p>- Đối với khu vực đã có quy hoạch xây dựng và theo quy định, dự án đầu tư xây dựng phải phù hợp với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác thì quy hoạch xây dựng và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành này là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với khu vực chưa có quy hoạch xây dựng thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác có liên quan hoặc thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.</p>		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.	01 bản	
	- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp trước đó.	01 bản	
	- Khuyến khích chủ động áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.	01 bản	
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</b>		
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</b>		
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả :</b>		

	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>-Qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> </ul>			
<b>5.7</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Lệ phí:</b> 15.000 đồng/ Lần gia hạn (Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang).</li> </ul>			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ.</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/ Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>-Qua dịch vụ bưu chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPV HCC) Hoặc nộp Qua dịch vụ bưu chính;</li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>-Phiếu chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo Tờ trình.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	16giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
<b>Bước 3</b>	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp

<b>Bước 4</b>	- Văn phòng - Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.	<b>ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG</b> (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.



Phụ lục II - Mẫu số 02

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG***(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)*

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):...; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:..

- Người đại diện: .....; Chức vụ: .....; Số định danh cá nhân:.....

- Số điện thoại: .....

2. Địa điểm xây dựng:

Lô đất số:.....Diện tích ..... m<sup>2</sup>.

Tại: ..... đường: .....

phường (xã) .....quận (huyện) .....

tỉnh, thành phố: .....

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

-.....

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: ..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

1 -

2 -

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**8. Quy trình Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã TTHC:	1.009979.H 01
	<b>Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).</b>	Ngày BH	...../.../20....

### MỤC LỤC

#### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

<b>Trách nhiệm</b>	<b>Soạn thảo</b>	<b>Xem xét</b>	<b>Phê duyệt</b>
<b>Họ tên</b>	Nguyễn Ngọc Ngân Châu	Lâm Hùng Tài	Nguyễn Quốc Cường

<b>Chữ ký</b>			
<b>Chức vụ</b>	<b>Chuyên viên</b>	<b>Trưởng phòng</b>	<b>Giám đốc</b>

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

<b>Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung</b>	<b>Trang / Phần liên quan việc sửa đổi</b>	<b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>	<b>Lần ban hành / Lần sửa đổi</b>	<b>Ngày ban hành</b>

## 1. MỤC ĐÍCH

1.1 Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biệt và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

1.2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

1.3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

## 2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

#### 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

#### 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p><b>5.1</b></p>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;</li> <li>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</li> <li>- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</li> <li>- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.</li> </ul>
<p><b>5.2</b></p>	<p><b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản).</li> <li>- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</li> <li>- Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</li> <li>- Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định.</li> </ul>

	<p>- Các loại quy hoạch sử dụng làm căn cứ để lập dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP là cơ sở xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Văn bản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng của dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Xây dựng năm 2014 là một trong các loại giấy tờ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết rút gọn và bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết rút gọn đã được phê duyệt;</li> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng và Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đã được phê duyệt;</li> <li>+ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và các bản đồ, bản vẽ kèm theo trong hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt;</li> <li>+ Văn bản chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc chấp thuận về vị trí, hướng tuyến và tổng mặt bằng của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 121 Nghị định 175/2024/NĐ-CP.</li> </ul> <p>- Đối với khu vực đã có quy hoạch xây dựng và theo quy định, dự án đầu tư xây dựng phải phù hợp với quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác thì quy hoạch xây dựng và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành này là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với khu vực chưa có quy hoạch xây dựng thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác có liên quan hoặc thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.</p>		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao</b>
	- Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;	01 bản	
	- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp trước đó (đối với trường hợp bị rách, nát).	01 bản	

	- Khuyến khích chủ đầu tư áp dụng BIM trong đầu tư xây dựng và có trách nhiệm cập nhật tệp tin BIM trong hồ sơ thiết kế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.		01 bản	
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 02 bộ.			
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>			
<b>5.7</b>	- <b>Lệ phí:</b> áp dụng mức thu phí quy định tại Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang. - 50.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. - 100.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ.			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/ Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (TTPV HCC) Hoặc nộp Qua dịch vụ bưu chính; - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	-Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. -Phiếu Chuyển hồ sơ.
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo Tờ trình.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	16 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
<b>Bước 3</b>	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Chuyển kết quả cho TTPV HCC</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	- Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 02 Phụ lục II Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;	<p style="text-align: center;"><b>ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG</b></p> <p style="text-align: center;">(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)</p>

## 7. HỒ SƠ LƯU

**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

Phụ lục II - Mẫu số 02

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG***(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)*

Kính gửi: .....

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):...; Số định danh cá nhân/Mã số doanh nghiệp:..

- Người đại diện: .....; Chức vụ: .....; Số định danh cá nhân:.....

- Số điện thoại: .....

2. Địa điểm xây dựng:

Lô đất số:.....Diện tích ..... m<sup>2</sup>.

Tại: ..... đường: .....

phường (xã) .....quận (huyện) .....

tỉnh, thành phố: .....

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

- .....

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

- .....



5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: ..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

- 1 -
- 2 -

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**9. Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III.**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>  <b>Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III.</b>	Mã hiệu:	1.009982-BXD- 1334/QĐ-BXD
		Ngày BH	31/12/2024

**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CÀN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc Hiếu Ân	Đặng Tiến Hưng	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP.Giám định xây dựng	TP.Giám định xây dựng	GD. Sở Xây dựng

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

<b>Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung</b>	<b>Trang / Phần liên quan việc sửa đổi</b>	<b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>	<b>Lần ban hành / Lần sửa đổi</b>	<b>Ngày ban hành</b>
Theo Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của BXD	Các nội dung dự thảo lần trước	Cập nhật lại cơ sở pháp lý, điều chỉnh nội dung, biểu mẫu, thời gian thực hiện	Lần 4	31/12/2024

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cấp mới hạng I, II, III (Lần đầu được cấp chứng chỉ; điều chỉnh hạng chứng chỉ; chứng chỉ hết thời hạn hiệu lực hoặc đề nghị cấp lại đối với chứng chỉ còn thời hạn hiệu lực không thuộc điểm b khoản 1 Điều 75 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).

## 2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân trong trường hợp đề nghị cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng I, II, III trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng, thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<b>5.1</b>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (Gọi tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).</li> <li>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định 1134/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Quyết định số.....V/v ủy quyền.....</li> </ul>
------------	--

5.2	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>
	<p><b>a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.</li> <li>- Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau; <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên;</li> <li>b) Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;</li> <li>c) Hạng III: Có chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng.</li> </ul> </li> </ul> <p>3. Có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp nhưng quá 10 năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thấp hơn 01 hạng tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.</p> <p>4. Có kết quả sát hạch đạt yêu cầu phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong trường hợp cấp mới chứng chỉ hành nghề theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 75 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.</p> <p>5. Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp quy định tại khoản 2 Điều này được tính từ thời điểm cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thể hiện tại đơn đề nghị cấp/chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoặc hợp đồng lao động hoặc xác nhận của bên sử dụng lao động hoặc bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ tương tự (3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình.</p> <p><b>b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:</b></p> <p><b>(1) Cá nhân hành nghề Khảo sát xây dựng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Hạng I: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đối với khảo sát địa hình: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II;</li> <li>b) Đối với khảo sát địa chất: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.</li> </ul> </li> <li>2. Hạng II:</li> </ul>

a) Đối với khảo sát địa hình: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C hoặc 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III;

b) Đối với khảo sát địa chất: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV.

**(2) Cá nhân hành nghề Thiết kế quy hoạch xây dựng:**

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập thiết kế quy hoạch xây dựng của lĩnh vực chuyên môn 01 đề án quy hoạch xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc 02 đề án quy hoạch xây dựng (trong đó có 01 đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu) đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập thiết kế quy hoạch xây dựng của lĩnh vực chuyên môn 01 đề án quy hoạch xây dựng đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đề án quy hoạch xây dựng đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. Hạng III: Đã tham gia lập thiết kế quy hoạch xây dựng của lĩnh vực chuyên môn 01 đề án quy hoạch xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đề án quy hoạch xây dựng đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

**(3) Cá nhân hành nghề Thiết kế xây dựng:**

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia thiết kế hoặc thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình cấp IV.

**(4) Cá nhân hành nghề Giám sát thi công xây dựng:**

1. Hạng I: Đã phụ trách lĩnh vực chuyên môn về giám sát thi công xây dựng của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc làm giám sát trưởng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.

2. Hạng II: Đã phụ trách lĩnh vực chuyên môn về giám sát thi công xây dựng của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc làm giám sát trưởng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia lĩnh vực chuyên môn về giám sát thi công xây dựng của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc giám sát thi công xây dựng hoặc thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV.

**(5) Cá nhân hành nghề Định giá xây dựng:**

1. Nội dung các công việc về quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm:

a) Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;

b) Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư; định mức xây dựng; giá xây dựng công trình; chỉ số giá xây dựng;

c) Đo bóc khối lượng;

d) Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;

đ) Xác định giá gói thầu; giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

e) Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;

g) Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán; lập, thẩm tra hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng; quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

2. Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng khi đáp ứng điều kiện chung quy định tại Điều 79 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với các hạng chứng chỉ hành nghề như sau:

a) Hạng I: Đã phụ trách lĩnh vực chuyên môn của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc chủ trì một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II;

b) Hạng II: Đã phụ trách lĩnh vực chuyên môn của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc chủ trì một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C hoặc 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III;

c) Hạng III: Đã tham gia một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng 01 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV.

**(6) Cá nhân hành nghề Quản lý dự án đầu tư xây dựng:**

1. Hạng I: Đã làm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B.

2. Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C.

3. Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án đầu tư xây dựng 01 dự án từ nhóm C trở lên.

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực
-----	------------------	-----------	-----------------------

			<b>hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực</b>
5.3.1. Đơn đề nghị cấp mới chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định 175/2024/NĐ-CP.	<b>X</b>		<b>X</b>
5.3.2. Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.			<b>X</b>
5.3.3. Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận).			<b>X</b>
5.3.4 Chứng chỉ hành nghề (nếu có) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó phù hợp với thời gian và phạm vi chứng minh kinh nghiệm.			<b>X</b>
5.3.5. Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai hoặc văn bản của các cơ quan chuyên môn về xây dựng có nội dung liên quan đến kinh nghiệm của cá nhân kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai đối với trường hợp cá nhân hành nghề độc lập.			<b>X</b>
5.3.6. Giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài.			<b>X</b>
5.3.7. Trường hợp cá nhân bảo lưu quyền dự thi sát hạch, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề gồm đơn đề nghị,			<b>X</b>

	ảnh mẫu theo quy định trên và thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trước đó.			
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ			
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 55 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (440 giờ)			
<b>5.6</b>	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> 55 ngày (440 giờ)			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a> - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	01 ngày (8 giờ)	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.  - Chuyển hồ sơ.
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	01 ngày (8 giờ)	
	- Xét, thẩm định hồ sơ; Xác minh, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có); Trình xét điều kiện sát hạch. - Thông báo thời gian, địa điểm, danh sách cá nhân đủ điều kiện sát hạch. <i>{Cá nhân được bảo lưu quyền dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề trong 12 tháng kể từ ngày có thông báo kết quả đánh</i>	Đơn vị có liên quan; Chuyên viên phòng chuyên môn	43 ngày (344 giờ)	

	<i>giá hồ sơ đủ điều kiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định khoản 3 Điều này (bao gồm trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng sát hạch không đạt yêu cầu)}</i> - Tổ chức sát hạch.			
<b>Bước 3</b>	- Tổng hợp, dự thảo trình lãnh đạo Sở ký Quyết định và in chứng chỉ hành nghề.	Chuyên viên phòng chuyên môn	07 ngày (56 giờ)	
<b>Bước 4</b>	- Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	01 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 5</b>	- Văn phòng - Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	01 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 6</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	01 ngày (8 giờ)	

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp mới chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
2	Mẫu số 05	Mẫu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định 175/2024/NĐ-CP.

## 7. HỒ SƠ LƯU

**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp mới chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
2	Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt



	được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận).
3	Chứng chỉ hành nghề (nếu có) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó phù hợp với thời gian và phạm vi chứng minh kinh nghiệm.
4	Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai hoặc văn bản của các cơ quan chuyên môn về xây dựng có nội dung liên quan đến kinh nghiệm của cá nhân kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai đối với trường hợp cá nhân hành nghề độc lập.
5	Giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
6	Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.
7	Quyết định cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân.
8	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

**Mẫu số 01**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

---

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh<sup>(1)</sup>: ..... 3. Quốc tịch: .....
4. Số CC/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....  
Nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú: .....
6. Số điện thoại<sup>(2)</sup>:..... Địa chỉ hòm thư điện tử: .....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn (*ghi rõ chuyên ngành đào tạo*): .....
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề:  
..... năm.
10. Chứng chỉ hành nghề số: ..... Ngày cấp: .....  
Nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng .....

11. Thông báo đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (trường hợp được bảo lưu quyền dự thi sát hạch) số: ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

12. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng<sup>(3)</sup>:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: ..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình: ..... Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: ..... 2. ....	
2				
...				

**Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: .....

Hạng: .....

Cấp mới

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN***(Ký và ghi rõ họ, tên)***Ghi chú:**

(1) Có thể thay thế các thông tin ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu, địa chỉ thường trú bằng mã số định danh cá nhân.

(2) Số điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử phải là thông tin của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(3) Không yêu cầu kê khai trong trường hợp cá nhân được bảo lưu quyền dự thi sát hạch; cấp lại chứng chỉ hành nghề.

**Mẫu số 05****MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

<p style="text-align: center;"><i>(Màu vàng nhạt)</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 4)</i></p>	<p style="text-align: center;"><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></p> <hr style="width: 20%; margin: auto;"/> <p style="text-align: center;"><b>CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ</b> <b>HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b></p> <p style="text-align: center;"><i>(trang 1)</i></p>
---	---

**THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**Số chứng chỉ: ABC-12345678**  
*(Ban hành theo Quyết định số: ... ngày ...)\**

*ảnh 4x6 của  
người được cấp  
chứng chỉ*

Họ và Tên: .....  
 Ngày tháng năm sinh: .....  
 Số CC/CCCD/Hộ chiếu: .....  
 cấp ngày ..... tại .....  
 Quốc tịch: .....  
 Cơ sở đào tạo: .....  
 Trình độ chuyên môn: .....

Mã QR-Code

*(trang 2)*

**Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
			Từ ..... đến .....

Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../...  
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA**  
**CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ**  
*(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

*(trang 3)*

*\* Trường hợp cấp lại thì ghi rõ lần cấp (cấp lại lần 1, cấp lại lần 2,...)*

**10. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III.**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã hiệu:	1.009984-BXD-1334/QĐ-BXD
	<b>Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III.</b>	Ngày BH	31/12/2024

**MỤC LỤC**

- SỬA ĐỔI TÀI LIỆU
- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CÀN LƯU

<b>Trách nhiệm</b>	<b>Soạn thảo</b>	<b>Xem xét</b>	<b>Phê duyệt</b>
--------------------	------------------	----------------	------------------

<b>Họ tên</b>	<b>Trần Ngọc Hiếu Ân</b>	<b>Đặng Tiến Hưng</b>	<b>Nguyễn Quốc Cường</b>
<b>Chữ ký</b>			
<b>Chức vụ</b>	<b>PTP.Giám định xây dựng</b>	<b>TP.Giám định xây dựng</b>	<b>GD. Sở Xây dựng</b>

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

<b>Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung</b>	<b>Trang / Phần liên quan việc sửa đổi</b>	<b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>	<b>Lần ban hành / Lần sửa đổi</b>	<b>Ngày ban hành</b>
Theo Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của BXD	Các nội dung dự thảo lần trước	Cập nhật lại cơ sở pháp lý, điều chỉnh nội dung, biểu mẫu, thời gian thực hiện	Lần 4	31/12/2024

### 1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III (Chứng chỉ hành nghề còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc ghi sai thông tin hoặc điều chỉnh, bổ sung thông tin cá nhân hoặc thuộc trường hợp CCHN có lĩnh vực không bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 75 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).

### 2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III (trường hợp chứng chỉ còn thời hạn nhưng mất, hư hỏng), trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng, thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

### 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

### 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

### 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<b>5.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.</li> </ul>
------------	---

	<p>- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (Gọi tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).</p> <p>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định 1134/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Quyết định số.....V/v ủy quyền.....</p>		
<b>5.2</b>	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:</b> Không có.		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực</b>
	5.3.1. Đơn đề nghị cấp mới chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định 175/2024/NĐ-CP.	<b>X</b>	<b>X</b>
	5.3.2. Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.		<b>X</b>
	5.3.3. Bản gốc chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp lại. Trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 75 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.	<b>X</b>	<b>X</b>
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ		
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (40 giờ)		
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>- Qua dịch vụ Bru chính.</li> <li>- Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>.</li> </ul>		
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.		

<b>5.8 Quy trình xử lý công việc: 05 ngày làm việc (40 giờ)</b>				
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định:</li> <li>+ Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>+ Qua dịch vụ Bưu chính.</li> <li>+ Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HCC	1/2 ngày (4 giờ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày (4 giờ)	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo phê duyệt.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	02 ngày (16 giờ)	
<b>Bước 3</b>	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	1/2 ngày (4 giờ)	
	- Lãnh đạo Sở phê duyệt.		1/2 ngày (4 giờ)	
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	1 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	

## 6. BIỂU MẪU

<b>TT</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên biểu mẫu</b>
-----------	----------------	---------------------



1	Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
2	Mẫu số 05	Mẫu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định 175/2024/NĐ-CP.

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp mới chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Nghị định 175/2024/NĐ-CP.
2	Bản gốc chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp lại. Trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 75 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.
3	Quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây của cá nhân.
4	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

### Mẫu số 01

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

## CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).

- Họ và tên: .....
- Ngày, tháng, năm sinh<sup>(1)</sup>: ..... 3. Quốc tịch: .....
- Số CC/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....
- Nơi cấp:.....
- Địa chỉ thường trú: .....

6. Số điện thoại<sup>(2)</sup>:.....Địa chỉ hòm thư điện tử: .....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn (*ghi rõ chuyên ngành đào tạo*): .....
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề: ..... năm.
10. Chứng chỉ hành nghề số: ..... Ngày cấp: .....
- Nơi cấp: .....
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng .....
11. Thông báo đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (trường hợp được bảo lưu quyền dự thi sát hạch) số: ..... Ngày cấp: .....
- Nơi cấp: .....
12. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng<sup>(3)</sup>:

STT	Thời gian công tác ( <i>Từ tháng, năm đến tháng, năm</i> )	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập ( <i>Ghi rõ tên đơn vị</i> )	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: ..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình: ..... Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: ..... 2. ....	
2				
...				

**Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: .....

Hạng: .....

Cấp mới

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

***Ghi chú:***

<sup>(1)</sup> Có thể thay thế các thông tin ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu, địa chỉ thường trú bằng mã số định danh cá nhân.

<sup>(2)</sup> Số điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử phải là thông tin của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

<sup>(3)</sup> Không yêu cầu kê khai trong trường hợp cá nhân được bảo lưu quyền dự thi sát hạch; cấp lại chứng chỉ hành nghề.

**Mẫu số 05**

**MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

---

(Màu vàng nhạt)

(trang 4)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ**  
**HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

(trang 1)

**THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**Số chứng chỉ: ABC-12345678**  
*(Ban hành theo Quyết định số: ... ngày ...)\**

*ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ*

Họ và Tên: .....  
 Ngày tháng năm sinh: .....  
 Số CC/CCCD/Hộ chiếu: .....  
 cấp ngày ..... tại .....  
 Quốc tịch: .....  
 Cơ sở đào tạo: .....  
 Trình độ chuyên môn: .....

Mã QR-Code

(trang 2)

**Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
			Từ ..... đến .....

Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../...  
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA**  
**CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ**  
*(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

(trang 3)

\* Trường hợp cấp lại thì ghi rõ lần cấp (cấp lại lần 1, cấp lại lần 2, ...)

**11. Thủ tục cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III.**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã hiệu:	1.009987-BXD-1334/QĐ-BXD
-------------------------	------------------	----------	--------------------------

<b>AN GIANG</b>	<b>Thủ tục cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III.</b>	Ngày BH	31/12/2024
-----------------	---	---------	------------

## MỤC LỤC

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CÀN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc Hiếu Ân	Đặng Tiến Hưng	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP.Giám định xây dựng	TP.Giám định xây dựng	GD. Sở Xây dựng

## SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của BXD	Các nội dung dự thảo lần trước	Cập nhật lại cơ sở pháp lý, điều chỉnh nội dung, biểu mẫu, thời gian thực hiện	Lần 4	31/12/2024

### 1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III của các nhân nước ngoài.

### 2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân trong trường hợp đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, II, III của các nhân nước ngoài trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng, thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

### 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

### 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

### 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p><b>5.1</b></p>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (Gọi tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).</li> <li>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định 1134/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Quyết định số.....V/v ủy quyền.....</li> </ul>
<p><b>5.2</b></p>	<p><b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:</b></p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.</li> <li>- Đã có giấy phép năng lực hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, đã hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 06 tháng trở lên.</li> <li>- Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên.</li> <li>+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;</li> <li>+ Hạng III: Có chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng.</li> </ul> </li> </ul>

- Có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp nhưng quá 10 năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thấp hơn 01 hạng tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề.

- Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp được tính từ thời điểm cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thể hiện tại đơn đề nghị cấp/chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoặc hợp đồng lao động hoặc xác nhận của bên sử dụng lao động hoặc bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ tương tự.

- Đối với hội viên, thành viên của hội viên của Tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện: đã được kết nạp trước thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ tối thiểu 3 tháng.

- Đáp ứng các yêu cầu, điều kiện chuyên môn phù hợp về khảo sát xây dựng, thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng và quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 80, 81, 82, 83, 84 và 85 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP:

**(1) Cá nhân hành nghề Khảo sát xây dựng:**

1. Hạng I:

a) Đối với khảo sát địa hình: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II;

b) Đối với khảo sát địa chất: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.

2. Hạng II:

a) Đối với khảo sát địa hình: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C hoặc 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III;

b) Đối với khảo sát địa chất: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV.

**(2) Cá nhân hành nghề Thiết kế quy hoạch xây dựng:**

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập thiết kế quy hoạch xây dựng của lĩnh vực chuyên môn 01 đồ án quy hoạch xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng (trong đó có 01 đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu) đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập thiết kế quy hoạch xây dựng của lĩnh vực chuyên môn 01 đồ án quy hoạch xây dựng đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. Hạng III: Đã tham gia lập thiết kế quy hoạch xây dựng của lĩnh vực chuyên môn 01 đồ án quy hoạch xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

**(3) Cá nhân hành nghề Thiết kế xây dựng:**

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia thiết kế hoặc thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình cấp IV.

**(4) Cá nhân hành nghề Giám sát thi công xây dựng:**

1. Hạng I: Đã phụ trách lĩnh vực chuyên môn về giám sát thi công xây dựng của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc làm giám sát trưởng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.

2. Hạng II: Đã phụ trách lĩnh vực chuyên môn về giám sát thi công xây dựng của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc làm giám sát trưởng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia lĩnh vực chuyên môn về giám sát thi công xây dựng của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc giám sát thi công xây dựng hoặc thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV.

**(5) Cá nhân hành nghề Định giá xây dựng:**

1. Nội dung các công việc về quản lý chi phí đầu tư xây dựng gồm:

a) Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;

b) Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư; định mức xây dựng; giá xây dựng công trình; chỉ số giá xây dựng;

c) Đo bóc khối lượng;

d) Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;

đ) Xác định giá gói thầu; giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

e) Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;

g) Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán; lập, thẩm tra hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng; quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.



	<p>2. Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng khi đáp ứng điều kiện chung quy định tại Điều 79 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với các hạng chứng chỉ hành nghề như sau:</p> <p>a) Hạng I: Đã phụ trách lĩnh vực chuyên môn của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc chủ trì một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II;</p> <p>b) Hạng II: Đã phụ trách lĩnh vực chuyên môn của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực hoặc chủ trì một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C hoặc 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III;</p> <p>c) Hạng III: Đã tham gia một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng 01 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV.</p> <p><b>(6) Cá nhân hành nghề Quản lý dự án đầu tư xây dựng:</b></p> <p>1. Hạng I: Đã làm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B.</p> <p>2. Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C.</p> <p>3. Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án đầu tư xây dựng 01 dự án từ nhóm C trở lên.</p>		
<b>5.3</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực</b>
	5.3.1. Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục số IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.	<b>X</b>	<b>X</b>
	5.3.2. Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.		<b>X</b>
	5.3.3. Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: văn bằng, giấy phép năng lực hành nghề do cơ sở đào tạo nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		<b>X</b>

	5.3.4. Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.			<b>X</b>
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ			
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 25 ngày. (200 giờ)			
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> 25 ngày (200 giờ)			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a> - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	1 ngày (8 giờ)	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.  - Chuyển hồ sơ.
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày (8 giờ)	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	20 ngày (160 giờ)	

	- Trình lãnh đạo phê duyệt.			
<b>Bước 3</b>	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt. - Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	1 ngày (8 giờ)  1 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 4</b>	- Văn phòng - Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	01 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục số IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP
2	Mẫu số 05	Mẫu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Nghị định 175/2024/NĐ-CP.

## 7. HỒ SƠ LƯU

**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục số IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
2	Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: văn bằng, giấy phép năng lực hành nghề do cơ sở đào tạo nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3	Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định: giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.
4	Quyết định cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân.

5	Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

**Mẫu số 02**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP CHUYÊN ĐỒI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ**  
**HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Họ và tên: .....
2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Quốc tịch: .....
4. Hộ chiếu số:..... Ngày cấp: .....
- Nơi cấp: .....
5. Thời hạn trên giấy phép lao động:.....
6. Số điện thoại: ..... Địa chỉ hòm thư điện tử: .....
7. Đơn vị công tác: .....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành đào tạo): .....
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chuyên đỏi chứng chỉ hành nghề (năm): .....
10. Giấy phép năng lực hành nghề số: ..... Ngày cấp: .....
- Nơi cấp: .....
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng .....
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	<b>Thời gian công tác</b> (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	<b>Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập</b> (Ghi rõ tên đơn vị)	<b>Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu</b>	<b>Ghi chú</b>
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: ..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình: ..... Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư:.....	

			Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: .....	
			2. ....	
2				
...				

**Đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:**

Lĩnh vực hoạt động: .....Hạng: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Mẫu số 05**

**MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

\_\_\_\_\_

<p>(Màu vàng nhạt)</p> <p>(trang 4)</p>	<p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b></p> <hr/> <p><b>CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ</b> <b>HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b></p> <p>(trang 1)</p>																																												
<p><b>THÔNG TIN CÁ NHÂN</b></p> <p><b>Số chứng chỉ: ABC-12345678</b> (Ban hành theo Quyết định số: ... ngày ...)*</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p>ảnh 4x6 của người được cấp chứng chỉ</p> </div> <p>Họ và Tên: .....          Ngày tháng năm sinh: .....          Số CC/CCCD/Hộ chiếu: .....          cấp ngày ..... tại .....          Quốc tịch: .....          Cơ sở đào tạo: .....          Trình độ chuyên môn: .....</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center; margin: 10px auto; width: 80px;"> <p>Mã QR-Code</p> </div> <p>(trang 2)</p>	<p><b>Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 40%;">Lĩnh vực hành nghề</th> <th style="width: 10%;">Hạng</th> <th style="width: 40%;">Thời hạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td>Từ ..... đến .....</td> </tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> <tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr> </tbody> </table> <p>Tỉnh/Thành phố, ngày .../.../...  <b>ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA</b>  <b>CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ</b>          (Ký, họ và tên, đóng dấu)</p> <p>(trang 3)</p>	STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn				Từ ..... đến .....																																				
STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn																																										
			Từ ..... đến .....																																										

\* Trường hợp cấp lại thì ghi rõ lần cấp (cấp lại lần 1, cấp lại lần 2, ...)

## 12. Thủ tục cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I, II, III.

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b>	Mã hiệu:	1.009988-BXD-1334/QĐ-BXD
-------------------------	------------------	----------	--------------------------

<b>AN GIANG</b>	<b>Thủ tục cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I, II, III.</b>	Ngày BH	31/12/2024
-----------------	---	---------	------------

## MỤC LỤC

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc Hiếu Ân	Đặng Tiến Hưng	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP.Giám định xây dựng	TP.Giám định xây dựng	GD. Sở Xây dựng

## SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của BXD	Các nội dung dự thảo lần trước	Cập nhật lại cơ sở pháp lý, điều chỉnh nội dung, biểu mẫu, thời gian thực hiện	Lần 4	31/12/2024

### 1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp mới {lần đầu được cấp chứng chỉ; bổ sung lĩnh vực hoạt động xây dựng chưa có trong chứng chỉ; điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực; chứng chỉ hết thời hạn hiệu lực} chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu của tổ chức trong nước hạng I, II, III.

### 2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức trong trường hợp đề nghị cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng {lần đầu được cấp chứng chỉ; bổ sung lĩnh vực hoạt động xây dựng chưa có trong chứng chỉ; điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực; chứng chỉ hết thời hạn hiệu



lực)} của tổ chức trong nước hạng I, II, III trong lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Định giá xây dựng và Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

### 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

### 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

### 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p><b>5.1</b></p>	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (Gọi tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).</li> <li>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định 1134/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Quyết định số.....V/v ủy quyền.....</li> </ul>
<p><b>5.2</b></p>	<p><b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b></p>
	<p><b>a) Điều kiện chung để cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ năng lực quyết định việc cấp chứng chỉ năng lực sau khi có kết quả đánh giá của Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực.</li> <li>2. Năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức được đánh giá theo kinh nghiệm thực hiện công việc của tổ chức và năng lực hoạt động xây dựng của các cá nhân thuộc tổ chức theo quy định tại Nghị định này.</li> <li>3. Điều kiện về kinh nghiệm thực hiện công việc của tổ chức như sau:             <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Kinh nghiệm của tổ chức được xác định là phù hợp khi công việc thực hiện theo nội dung kê khai đáp ứng các điều kiện: thuộc ngành, nghề kinh doanh của tổ chức đã được cấp; đã được nghiệm thu theo quy định; được thực hiện phù hợp với lĩnh vực hoạt động, hạng năng lực và trong thời hạn hiệu lực của chứng chỉ năng lực đã được cấp. Trường hợp kinh nghiệm của tổ chức được thực hiện trong thời gian không yêu cầu chứng chỉ năng lực thì phải phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của tổ chức đã được cấp và không quá 10 năm tính từ thời điểm ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực. Ngành, nghề kinh doanh của</li> </ol> </li> </ol>

tổ chức được xác định là phù hợp khi có lĩnh vực hoạt động đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Trường hợp tổ chức chỉ thực hiện hoạt động xây dựng đối với các công việc xây dựng chuyên biệt thì được đánh giá cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với công việc xây dựng chuyên biệt thuộc công trình xây dựng đó;

c) Trường hợp tổ chức được chia tách, sáp nhập, hợp nhất thì được kế thừa nhân sự, kinh nghiệm nêu trong thỏa thuận chia tách, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

d) Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hạng III thì không yêu cầu chứng minh kinh nghiệm thực hiện công việc.

**4. Điều kiện về nhân sự của tổ chức như sau:**

a) Tổ chức được xác định có đủ điều kiện về nhân sự khi có các cá nhân là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động đáp ứng yêu cầu năng lực hoạt động xây dựng đối với loại hình đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Mỗi cá nhân thuộc tổ chức được đảm nhận một hoặc nhiều chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng được điều kiện năng lực tương ứng theo quy định.

**5. Yêu cầu đối với cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề hoặc cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng thuộc tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo lĩnh vực hoặc loại hình được quy định cụ thể như sau:**

a) Đối với tổ chức khảo sát xây dựng: cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề lĩnh vực khảo sát xây dựng theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VII Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, phù hợp với hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề đối với một lĩnh vực khảo sát xây dựng thì chỉ xét cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực khảo sát xây dựng đó;

b) Đối với tổ chức lập thiết kế quy hoạch xây dựng: cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các lĩnh vực chuyên môn về quy hoạch xây dựng, giao thông, điện, cấp - thoát nước của đồ án quy hoạch xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng theo quy định tại Mục 2 Phụ lục VII Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, phù hợp với hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức;

c) Đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng - nhà công nghiệp: cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các bộ môn kiến trúc, kết cấu công trình, cơ - điện công trình, cấp - thoát nước công trình của thiết kế xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình bao gồm: thiết kế kiến trúc theo quy định của pháp luật về Kiến trúc; thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình (Hệ thống: điện; cấp - thoát nước công trình; thông gió - cấp thoát nhiệt) theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VII Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, phù hợp với công việc đảm nhận và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức. Trường hợp các cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì đối với một hoặc một số bộ môn của thiết kế xây dựng công trình thì chỉ xét cấp chứng chỉ năng lực đối với nội dung thiết kế xây dựng của bộ môn đó;

d) Đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; dầu khí; năng lượng (không bao gồm các nội dung về công nghệ thuộc chuyên ngành điện): cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các bộ môn kết cấu công trình,

ơ - điện công trình, cấp - thoát nước công trình của thiết kế xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình bao gồm: thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình (hệ thống: điện; cấp - thoát nước công trình; thông gió - cấp thoát nhiệt) theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VII Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, phù hợp với công việc đảm nhận và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức. Trường hợp các cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì đối với một hoặc một số bộ môn của thiết kế xây dựng công trình thì chỉ xét cấp chứng chỉ năng lực đối với nội dung thiết kế xây dựng của bộ môn đó;

đ) Đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông: cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ; đường sắt; cầu - hầm; đường thủy nội địa - hàng hải) theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VII Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, phù hợp với loại công trình và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức;

e) Đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VII Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, phù hợp với loại công trình và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức;

g) Đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn), thiết kế xây dựng công trình (kết cấu công trình) theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VII Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, phù hợp với loại công trình và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức;

h) Đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền, móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình;...): cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng phù hợp với nội dung công việc chuyên biệt và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức;

i) Đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án: cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án phải có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án theo quy định tại Mục 6 Phụ lục VII Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, phù hợp với hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức; cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề về giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng phù hợp với nhóm dự án, cấp công trình, công việc đảm nhận và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức;

k) Đối với tổ chức thi công xây dựng công trình bao gồm thi công công tác xây dựng và công tác lắp đặt thiết bị công trình: cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức kê khai cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng có chứng chỉ hành nghề đối với một lĩnh vực giám sát thi công xây dựng (giám sát công tác xây dựng hoặc giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình) hoặc chỉ có kinh nghiệm chỉ huy trưởng đối với công tác xây dựng hoặc công tác lắp đặt thiết bị công trình thì được xét cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực thi công xây dựng tương ứng;

l) Đối với tổ chức giám sát thi công xây dựng bao gồm giám sát công tác xây dựng và giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình: cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng, giám sát viên phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với lĩnh vực và hạng đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức. Trường hợp cá nhân chỉ có chứng chỉ hành nghề đối với một lĩnh vực giám sát thi công xây dựng (giám sát công tác xây dựng hoặc giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình) thì chỉ được xét cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực giám sát thi công xây dựng tương ứng.

*6. Cá nhân tham gia thực hiện công việc thuộc tổ chức là người lao động thuộc tổ chức theo quy định của pháp luật về lao động, được xác định là đáp ứng yêu cầu đối với lĩnh vực hoặc loại hình đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khi có trình độ chuyên môn được đào tạo tương ứng theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP phù hợp với công việc đảm nhận. Riêng trường hợp cá nhân phụ trách thi công phải có trình độ chuyên môn được đào tạo tương ứng với trình độ chuyên môn được đào tạo của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng.*

*7. Cấp công trình khi đánh giá kinh nghiệm và xác định phạm vi hoạt động xây dựng đối với các lĩnh vực hoạt động xây dựng của tổ chức được xác định theo quy định của pháp luật về phân cấp công trình xây dựng. Riêng đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cấp công trình được xác định theo tiêu chí về quy mô kết cấu của quy định về phân cấp công trình.*

**b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ năng lực:**

**(1) Tổ chức khảo sát xây dựng:**

1. Điều kiện chung đối với các hạng như sau:

a) Có phòng thí nghiệm hoặc có văn bản thỏa thuận theo pháp luật Dân sự về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm với phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng được công nhận theo quy định đối với lĩnh vực khảo sát địa chất công trình;

b) Có máy móc, thiết bị hoặc có khả năng huy động máy móc, thiết bị phục vụ công việc khảo sát của lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

2. Hạng I:

a) Có ít nhất 02 cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng I phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Có cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

c) Đối với tổ chức khảo sát địa hình: Đã thực hiện khảo sát địa hình ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 01 công trình từ cấp I hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên;

d) Đối với tổ chức khảo sát địa chất: Đã thực hiện khảo sát địa chất ít nhất 01 công trình từ cấp I hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên.

3. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

c) Đối với tổ chức khảo sát địa hình: Đã thực hiện khảo sát địa hình ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên;

d) Đối với tổ chức khảo sát địa chất: Đã thực hiện khảo sát địa chất ít nhất 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.

#### 4. Hạng III:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

b) Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

#### **(2) Tổ chức lập thiết kế quy hoạch xây dựng:**

##### 1. Hạng I:

a) Có ít nhất 02 cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì đối với mỗi lĩnh vực chuyên môn về quy hoạch xây dựng, giao thông, điện, cấp - thoát nước của đề án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề hạng I phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Đã thực hiện lập ít nhất 01 đề án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc 02 đề án quy hoạch xây dựng (trong đó ít nhất 01 đề án là quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc quy hoạch chung) thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

##### 2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các lĩnh vực chuyên môn về quy hoạch xây dựng, giao thông, điện, cấp thoát - nước của đề án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Đã thực hiện lập ít nhất 01 đề án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đề án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

##### 3. Hạng III:

Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các lĩnh vực chuyên môn về quy hoạch xây dựng, giao thông, điện, cấp thoát - nước của đề án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

#### **(3) Tổ chức thiết kế, thẩm tra xây dựng công trình:**

##### 1. Hạng I:

a) Có ít nhất 02 cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng đối với mỗi bộ môn của thiết kế xây dựng có chứng chỉ hành nghề hạng I hoặc chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với dịch vụ thiết kế kiến trúc công trình, thẩm tra kiến trúc được cấp theo Luật Kiến trúc, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng có chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

c) Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại;

d) Sử dụng phần mềm tính toán kết cấu, địa kỹ thuật bản quyền hợp pháp.

## 2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các bộ môn của thiết kế xây dựng có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên hoặc chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với dịch vụ thiết kế kiến trúc công trình, thẩm tra kiến trúc được cấp theo Luật Kiến trúc, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng có chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

c) Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

## 3. Hạng III:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các bộ môn của thiết kế xây dựng có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên hoặc chứng chỉ hành nghề kiến trúc đối với dịch vụ thiết kế kiến trúc công trình, thẩm tra kiến trúc được cấp theo Luật Kiến trúc, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng có chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

### **(4) Tổ chức tư vấn quản lý dự án:**

#### 1. Hạng I:

a) Có ít nhất 02 cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án hạng I;

b) Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề về giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng hạng I phù hợp với công việc đảm nhận;

c) Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 6 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với công việc đảm nhận;

d) Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên.

#### 2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng II trở lên;

b) Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề về giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với công việc đảm nhận;

c) Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 6 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với công việc đảm nhận;

d) Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên.

### 3. Hạng III:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng III trở lên;

b) Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề về giám sát thi công xây dựng, định giá xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận;

c) Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận.

### **(5) Tổ chức thi công xây dựng công trình:**

#### 1. Hạng I:

a) Có ít nhất 02 cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường hạng I phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng phù hợp theo quy định tại Mục 7 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 03 năm đối với trình độ đại học, 05 năm đối với trình độ cao đẳng;

c) Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;

d) Đã trực tiếp thi công công tác xây dựng của hạng mục công trình, công trình hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại đối với trường hợp thi công công tác xây dựng;

đ) Đã trực tiếp thi công công tác lắp đặt thiết bị của hạng mục công trình, công trình liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên đối với trường hợp thi công công tác lắp đặt thiết bị công trình.

#### 2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng hoặc trung cấp phù hợp theo quy định tại Mục 7 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 01 năm đối với trình độ đại học, 03 năm đối với trình độ cao đẳng hoặc trung cấp;

c) Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận;

d) Đã trực tiếp thi công công tác xây dựng của hạng mục công trình, công trình hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại đối với trường hợp thi công công tác xây dựng;

đ) Đã trực tiếp thi công công tác lắp đặt thiết bị của hạng mục công trình, công trình liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên đối với trường hợp thi công công tác lắp đặt thiết bị công trình.

### 3. Hạng III:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

b) Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng hoặc trung cấp phù hợp theo quy định tại Mục 7 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tương ứng với công việc đảm nhận;

c) Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.

#### **(6) Tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng:**

### 1. Hạng I:

a) Có ít nhất 02 cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

b) Đã giám sát công tác xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực giám sát công tác xây dựng công trình;

c) Đã giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên đối với lĩnh vực giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình.

### 2. Hạng II:

a) Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

b) Đã giám sát công tác xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực giám sát công tác xây dựng công trình;

c) Đã giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên đối với lĩnh vực giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình.

### 3. Hạng III:

Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình, lĩnh vực giám sát thi công xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao
-----	------------------	-----------	------------------------------------



			<b>điện tử được chứng thực</b>
	5.3.1. Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.	<b>X</b>	
	5.3.2. Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.		<b>X</b>
	5.3.3. Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức còn thời hạn hoặc thỏa thuận theo pháp luật Dân sự về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát địa chất công trình).		<b>X</b>
	5.3.4. Chứng từ hoặc hợp đồng thuê, mua máy, thiết bị kê khai trong đơn (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng, thi công xây dựng công trình)		<b>X</b>
	5.3.5. Tài liệu chứng minh về quyền sử dụng phần mềm có bản quyền để tính toán thiết kế kết cấu, địa kỹ thuật công trình (đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng hạng I)		<b>X</b>
	5.3.6. Kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực đối với cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề. Đối với cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng thì thay thế bằng văn bằng được đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận tương ứng với quy định tại Mục 07 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, kèm theo bản kê khai theo Mẫu số 04 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; văn bằng được đào tạo của các cá nhân tham gia thực hiện công việc; Hợp đồng lao động và giấy tờ liên quan đến bảo hiểm xã hội của cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề thuộc tổ chức		<b>X</b>
	5.3.7. Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)		<b>X</b>

	5.3.8. Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai hoặc thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng, lập thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng I, hạng II			X
	5.3.9. Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) đã thực hiện theo nội dung kê khai hoặc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng I, hạng II; quyết định phê duyệt dự án hoặc giấy phép xây dựng công trình có thông tin về nhóm dự án; loại, cấp công trình; quy mô kết cấu, công suất, vị trí xây dựng của hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình được kê khai			X
	5.3.10. Tài liệu liên quan đến nội dung về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất của tổ chức (đối với trường hợp tổ chức được chia, tách, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp)			X
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ			
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> 1.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> 20 ngày (160 giờ)			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>

<b>Bước 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định:</li> <li>+ Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.</li> <li>+ Qua dịch vụ Bru chính.</li> <li>+ Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a></li> <li>- Chuyển hồ sơ về Sở.</li> </ul>	Chuyên viên tại TTPV HCC	1 ngày (8 giờ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</li> <li>- Chuyển hồ sơ.</li> </ul>
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày (8 giờ)	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo phê duyệt.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	15 ngày (120 giờ)	
<b>Bước 3</b>	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	1 ngày (8 giờ)	.....
	- Lãnh đạo Sở phê duyệt.		1 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	1 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

2	Mẫu số 04	Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn và xác định hạng của chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo Mẫu số 04 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.
---	-----------	---

## 7. HỒ SƠ LƯU

**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
2	5.3.2. Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.
3	5.3.3. Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức còn thời hạn hoặc thỏa thuận theo pháp luật Dân sự về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát địa chất công trình).
4	5.3.4. Chứng từ hoặc hợp đồng thuê, mua máy, thiết bị kê khai trong đơn (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng, thi công xây dựng công trình).
5	5.3.5. Tài liệu chứng minh về quyền sử dụng phần mềm có bản quyền để tính toán thiết kế kết cấu, địa kỹ thuật công trình (đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng hạng I)
6	5.3.6. Kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực đối với cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề. Đối với cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng thì thay thế bằng văn bằng được đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận tương ứng với quy định tại Mục 07 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, kèm theo bản kê khai theo Mẫu số 04 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; văn bằng được đào tạo của các cá nhân tham gia thực hiện công việc; Hợp đồng lao động và giấy tờ liên quan đến bảo hiểm xã hội của cá nhân đảm nhận các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề thuộc tổ chức
7	5.3.7. Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)
8	5.3.8. Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung kê khai hoặc thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng, lập thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng hạng I, hạng II
9	5.3.9. Hợp đồng và Biên bản nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình (trong trường hợp thi công công tác xây dựng chuyên biệt) đã thực hiện theo nội dung kê khai hoặc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây dựng hạng I, hạng II; quyết định phê duyệt dự án hoặc giấy phép xây dựng công trình có thông tin về nhóm dự án; loại, cấp công trình; quy mô kết cấu, công suất, vị trí xây dựng của hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc bộ phận công trình được kê khai

10	5.3.10. Tài liệu liên quan đến nội dung về chia, tách, sáp nhập, hợp nhất của tổ chức (đối với trường hợp tổ chức được chia, tách, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp)
11	Quyết định cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.
12	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

**Mẫu số 03**

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ  
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẦN ĐẦU CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Số điện thoại: ..... Số fax: .....

4.

Email: ..... Website: .....

5. Người đại diện theo pháp luật<sup>(1)</sup>:

Họ và tên: ..... Chức vụ: .....

6. Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: .....

Nơi cấp: ..... Ngày cấp: .....

7. Ngành nghề kinh doanh chính: .....

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):

Số ..... Chứng chỉ: ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng: .....

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề	Điện thoại liên hệ
1				
2				
...				

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
...				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu; Nội dung công việc thực hiện)	Thông tin dự án/công trình (Ghi rõ tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; quy mô kết cấu, công suất, vị trí xây dựng)	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1				
2				
...				

11. kê khai máy móc, thiết bị (đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								
...								

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực ..... hoạt động: ..... Hạng: .....

- Cấp lần đầu; cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực
- Điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực
- Cấp lại chứng chỉ năng lực

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....

- Gia hạn chứng chỉ năng lực

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và các nội dung kê khai trong đơn và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA TỔ CHỨC**  
*(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

***Ghi chú:***

<sup>(1)</sup> Thay thế các thông tin người đại diện theo pháp luật (họ và tên, chức vụ), địa chỉ trụ sở chính; ngành nghề kinh doanh chính bằng mã số doanh nghiệp đối với tổ chức đã được cấp mã số doanh nghiệp.



## Mẫu số 04

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN  
VÀ XÁC ĐỊNH HẠNG CỦA CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ  
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

1. Họ và tên:.....2. Ngày, tháng, năm sinh: .....
3. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:.....
- Ngày cấp:.....Nơi cấp.....
4. Trình độ chuyên môn: .....
5. Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp (năm, tháng): .....
6. Đơn vị công tác: .....
7. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu (Ghi rõ tên Dự án/công trình; Nhóm dự án/Cấp công trình; Loại công trình; Chức danh/ Nội dung công việc thực hiện)	Ghi chú
1				
2				
...				

8. Số Chứng chỉ hành nghề đã được cấp: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: ..... Phạm vi hoạt động: .....

9. Tự xếp Hạng:.....<sup>(2)</sup>

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN,  
TỔ CHỨC QUẢN LÝ TRỰC TIẾP<sup>(3)</sup>**  
(Ký, đóng dấu)

Tỉnh/thành phố, ngày .../.../...  
**NGƯỜI KHAI**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**Ghi chú:**

(<sup>1</sup>) Thay thế các thông tin ngày tháng năm sinh, số chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu bằng mã số định danh cá nhân khi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chính thức hoạt động.

(<sup>2</sup>) Cá nhân đối chiếu kinh nghiệm thực hiện công việc và điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định này để tự nhận Hạng

(<sup>3</sup>) Xác nhận đối với các nội dung từ Mục 1 đến Mục 6 (Cá nhân tham gia hành nghề độc lập không phải lấy xác nhận này).

### 13. Thủ tục cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I, II, III.

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>  <b>Thủ tục cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng I, II, III.</b>	Mã hiệu:	1.009989-BXD- 1334/QĐ-BXD
		Ngày BH	31/12/2024

#### MỤC LỤC

##### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CÀN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc Hiếu Ân	Đặng Tiến Hưng	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP.Giám định xây dựng	TP.Giám định xây dựng	GD. Sở Xây dựng

#### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của BXD	Các nội dung dự thảo lần trước	Cập nhật lại cơ sở pháp lý, điều chỉnh nội dung, biểu mẫu, thời gian thực hiện	Lần 4	31/12/2024

#### 1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp lại khi chứng chỉ năng lực do chứng chỉ năng lực cũ còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc ghi sai thông tin hoặc điều chỉnh, bổ sung thông tin tổ chức (trừ các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc cấp lại khi các lĩnh vực không

thuộc trường hợp bị thu hồi trên chứng chỉ đã được cấp trước đó của tổ chức trong nước hạng I, II, III.

## 2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức trong trường hợp đề nghị cấp lại khi chứng chỉ năng lực do chứng chỉ năng lực cũ còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc ghi sai thông tin hoặc điều chỉnh, bổ sung thông tin tổ chức (trừ các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc cấp lại khi các lĩnh vực không thuộc trường hợp bị thu hồi trên chứng chỉ đã được cấp trước đó của tổ chức trong nước hạng I, II, III trong lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Định giá xây dựng và Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (Gọi tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).</li> <li>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định 1134/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Quyết định số.....V/v ủy quyền.....</li> </ul>		
5.2	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:</b> Không.		
5.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực</b>

	5.3.1. Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.	X	X	
	5.3.2. Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung thông tin tổ chức hoặc chứng chỉ ghi sai thông tin.	X	X	
	5.3.3. Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung trong trường hợp đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin tổ chức.		X	
	5.3.4. Bản cam kết của tổ chức về tính chính xác của nguyên nhân và thời điểm bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực do bị mất hoặc hư hỏng.		X	
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ			
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> 500.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> 10 ngày (80 giờ)			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a> - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	1 ngày (8 giờ)	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.  - Chuyển hồ sơ.

<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày (8 giờ)	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo phê duyệt.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	05 ngày (40 giờ)	
<b>Bước 3</b>	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	1 ngày (8 giờ)	.....
	- Lãnh đạo Sở phê duyệt.		1 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	1 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực theo Mẫu số 03 Phụ lục IV Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
2	Bản gốc chứng chỉ năng lực đã được cấp trong trường hợp điều chỉnh, bổ sung thông tin tổ chức hoặc chứng chỉ ghi sai thông tin

3	Tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung trong trường hợp đề nghị điều chỉnh, bổ sung thông tin tổ chức
4	Bản cam kết của tổ chức về tính chính xác của nguyên nhân và thời điểm bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực do bị mất hoặc hư hỏng
5	Cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại..
6	Quyết định cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.
7	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>	

**Mẫu số 03**

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ  
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền).

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Số điện thoại: ..... Số fax: .....

4.

Email: ..... Website: .....

5. Người đại diện theo pháp luật<sup>(1)</sup>:

Họ và tên: ..... Chức vụ: .....

6. Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: .....

Nơi cấp: ..... Ngày cấp: .....

7. Ngành nghề kinh doanh chính: .....

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):

Số Chứng chỉ: ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng: .....

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề	Điện thoại liên hệ
1				
2				
...				

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				



2			
---	--	--	--

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu; Nội dung công việc thực hiện)	Thông tin dự án/công trình (Ghi rõ tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; quy mô kết cấu, công suất, vị trí xây dựng)	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1				
2				

11. kê khai máy móc, thiết bị (đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực ..... hoạt động: ..... Hạng: .....

- Cấp lần đầu; cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực
- Điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực
- Cấp lại chứng chỉ năng lực

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....

- Gia hạn chứng chỉ năng lực

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và các nội dung kê khai trong đơn và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA TỔ CHỨC**  
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Thay thế các thông tin người đại diện theo pháp luật (họ và tên, chức vụ), địa chỉ trụ sở chính; ngành nghề kinh doanh chính bằng mã số doanh nghiệp đối với tổ chức đã được cấp mã số doanh nghiệp.

**14. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b>  <b>Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.</b>	Mã hiệu:	1.011976-BXD- 1334/QĐ-BXD
		Ngày BH	31/12/2024

**MỤC LỤC****SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CÀN LƯU

<b>Trách nhiệm</b>	<b>Soạn thảo</b>	<b>Xem xét</b>	<b>Phê duyệt</b>
<b>Họ tên</b>	<b>Trần Ngọc Hiếu Ân</b>	<b>Đặng Tiên Hưng</b>	<b>Nguyễn Quốc Cường</b>
<b>Chữ ký</b>			
<b>Chức vụ</b>	<b>PTP.Giám định xây dựng</b>	<b>TP.Giám định xây dựng</b>	<b>GD. Sở Xây dựng</b>

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

<b>Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung</b>	<b>Trang / Phần liên quan việc sửa đổi</b>	<b>Mô tả nội dung sửa đổi</b>	<b>Lần ban hành / Lần sửa đổi</b>	<b>Ngày ban hành</b>
Theo Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của BXD	Các nội dung dự thảo lần trước	Cập nhật lại sơ sở pháp lý, điều chỉnh nội dung, biểu mẫu, thời gian thực hiện	Lần 4	31/12/2024

**1. MỤC ĐÍCH**

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.

**2. PHẠM VI**

Áp dụng với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng; cung cấp vật tư - thiết bị công nghệ kèm theo dịch vụ kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

### 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

### 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

### 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (Gọi tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).</li> <li>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định 1134/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Quyết định số.....V/v ủy quyền.....</li> </ul>		
5.2	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động xây dựng khi có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư/nhà thầu chính (phụ).</li> <li>- Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.</li> </ul>		
5.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực</b>

	5.3.1 Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng bằng tiếng Việt, theo Mẫu số 01 (đối với tổ chức) hoặc Mẫu số 04 (đối với cá nhân) Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.	X	X
	5.3.2. Kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).		X
	5.3.3. Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự; chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X
	5.3.4. Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu theo Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp không thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); đối với nhà thầu thành lập dưới 03 năm thì nộp báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính theo số năm được thành lập.		X
	5.3.5. Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu) nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X
	5.3.6. Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</b>		

<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bru chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> 2.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> 20 ngày (160 giờ)			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bru chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a> - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	1 ngày (8 giờ)	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.  - Chuyển hồ sơ.
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày (8 giờ)	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	15 giờ (120 giờ)	
<b>Bước 3</b>	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	1 ngày (8 giờ)	
	- Lãnh đạo Sở phê duyệt.		1 ngày	

			(8 giờ)	
<b>Bước 4</b>	- Văn phòng - Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HcC	Văn thư Văn phòng Sở	1 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP
2	Mẫu số 02	Báo cáo công việc/dự án đã thực hiện trong 3 năm gần nhất theo Mẫu số 02 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (đối với cá nhân).
3	Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng Mẫu số 04 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP
4	Mẫu số 05	Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 05 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP
4	Mẫu số 06	Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân theo Mẫu số 06 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP

## 7. HỒ SƠ LƯU

**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng bằng tiếng Việt, theo Mẫu số 01 (đối với tổ chức) hoặc Mẫu số 04 (đối với cá nhân) Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
2	Báo cáo công việc/dự án đã thực hiện trong 3 năm gần nhất theo Mẫu số 02 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (đối với cá nhân).
3	Kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp (nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam).
4	Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự; chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp được

	dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
5	Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu theo Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp không thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); đối với nhà thầu thành lập dưới 03 năm thì nộp báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính theo số năm được thành lập.
6	Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu) nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
7	Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
8	Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 05 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân nước ngoài theo Mẫu số 06 Phụ lục III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

**Mẫu số 01****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  
(Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số: ...  
... , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

Tôi: .....(Họ tên) Chức vụ: .....

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho: .....

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc: .....

Số điện thoại:..... Fax:..... E.mail: .....

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có): .....

Số điện thoại:..... Fax:..... E.mail: .....

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là :..... thông báo trúng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việc .....thuộc Dự án..... tại .....trong thời gian từ... ..đến .....

Chúng tôi đề nghị Sở Xây dựng .... cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện công việc nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

(Các tài liệu được quy định tại Điều 115 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại .....Fax..... E.mail .....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

**THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)...**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)



**Mẫu số 02****CÔNG TY/CÁ NHÂN**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO****CÁC CÔNG VIỆC/DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT**

<b>Chủ đầu tư hoặc Bên thuê</b>	<b>Tên Dự án, địa điểm, quốc gia</b>	<b>Nội dung hợp đồng nhận thầu</b>	<b>Giá trị hợp đồng và ngày ký hợp đồng (USD)</b>	<b>Tỷ lệ % giá trị công việc phải giao thầu phụ</b>	<b>Thời gian thực hiện hợp đồng (từ... đến...)</b>
1	2	3	4	5	6

**Nơi nhận:**

- Sở Xây dựng ...;
- Lưu: ...

**THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)...***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ nếu là cá nhân**và đóng dấu Công ty)*

**Mẫu số 04****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  
(Đối với nhà thầu là cá nhân)

Văn bản số: ...  
... , ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Sở Xây dựng .....

Tôi:..... (Họ tên).

Có hộ chiếu số: .....(sao kèm theo đơn này)

Địa chỉ tại chính quốc:.....

Số điện thoại:..... Fax:.....E.mail:.....

Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):.....

Số điện thoại:..... Fax:..... E.mail:.....

Tôi được chủ đầu tư (hoặc thầu chính) thông báo trúng thầu (hoặc chọn thầu) thực hiện tư vấn công việc ..... thuộc Dự án..... tại ..... trong thời gian từ .....

Đề nghị Sở Xây dựng..... cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tôi để thực hiện công việc nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

(Các tài liệu quy định tại Điều 115 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP)

Nếu hồ sơ của tôi cần được bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax ..... E.mail .....

Khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

**Kính đơn**

(Ký tên)

**Họ và tên người ký**

**Mẫu số 05****SỞ XÂY DỰNG ...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.../QĐ-SXD

..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH****Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài****GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG ...**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Theo đơn và hồ sơ của Công ty (hoặc Liên danh) ....., là pháp nhân thuộc nước....., về việc nhận thầu thuộc Dự án..... tại..... và theo thông báo trúng thầu (hoặc chọn thầu) của chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là..... tại văn bản .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty (hoặc Liên danh)..... (sau đây gọi là Nhà thầu), pháp nhân thuộc nước....., có địa chỉ đăng ký tại....., được thực hiện công việc ..... thuộc Dự án..... tại .....

**Điều 2.**

1. Nhà thầu thực hiện công việc ..... theo Quyết định trúng thầu (hoặc chọn thầu) với chủ đầu tư (hoặc thầu chính); liên danh với nhà thầu Việt Nam (hoặc/và sử dụng thầu phụ Việt Nam) như đã được xác định trong hồ sơ dự thầu (hoặc chào thầu) thông qua hợp đồng liên danh hoặc hợp đồng thầu phụ như đã xác định trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

2. Nhà thầu thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 119 Nghị định số..... /2024/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2024 của Chính phủ.

3. Nhà thầu phải lập thông báo gửi về Sở Xây dựng theo quy định tại điểm I khoản 2 Điều 119 Nghị định số..... /2024/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 3.**

1. Giấy phép này đồng thời có giá trị để Nhà thầu liên hệ với các cơ quan Nhà nước Việt Nam có liên quan thực hiện nội dung các điều khoản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Giấy phép này chỉ có giá trị thực hiện công việc nêu tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 4.** Giấy phép này được cấp cho Nhà thầu, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố... (nơi có dự án) và chủ đầu tư.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Sở Xây dựng ...

**GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG ...***(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 06****SỞ XÂY DỰNG ...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.../QĐ-SXD

..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH****Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân****GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG ....**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 35/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số ..../2024/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Theo đơn và hồ sơ của ông/bà....., quốc tịch nước .....về việc nhận thầu thuộc Dự án..... tại..... và theo thông báo trúng thầu (hoặc được chọn thầu) của chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là..... tại văn bản .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép ông/bà....., quốc tịch nước....., có hộ chiếu số.....cấp ngày ..... tại..... do cơ quan nước..... cấp, được thực hiện công việc ..... thuộc Dự án..... tại .....

**Điều 2.**

1. Ông/bà .... thực hiện công việc .....theo Quyết định trúng thầu (hoặc chọn thầu) với chủ đầu tư (hoặc thầu chính).

2. Ông/bà thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 119 Nghị định số ...../2024/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2024 của Chính phủ.

3. Ông/bà phải lập thông báo gửi về Sở Xây dựng theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 119 Nghị định số ...../2024/NĐ-CP ngày ...tháng... năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 3.**

1. Giấy phép này đồng thời có giá trị để ông/bà liên hệ với các cơ quan nhà nước Việt Nam có liên quan thực hiện nội dung các điều khoản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Giấy phép này chỉ có giá trị thực hiện công việc nêu tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 4.** Giấy phép này được cấp cho ông/bà..... đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố... (nơi có dự án) và chủ đầu tư.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Sở Xây dựng ...

**GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG.....**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**15. Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.**

<b>SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG</b>	<b>QUY TRÌNH</b> Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.	Mã hiệu:	1.011977-BXD-1334/QĐ-BXD
		Ngày BH	31/12/2024

**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Ngọc Hiếu Ân	Đặng Tiến Hưng	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	PTP.Giám định xây dựng	TP.Giám định xây dựng	GD. Sở Xây dựng

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 1334/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của BXD	Các nội dung dự thảo lần trước	Cập nhật lại sơ sở pháp lý, điều chỉnh nội dung, biểu mẫu, thời gian thực hiện	Lần 4	31/12/2024

**1. MỤC ĐÍCH**

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện Cấp giấy điều chỉnh phép hoạt động xây dựng điều chỉnh (có thay đổi về tên, địa chỉ của

nhà thầu, thay đổi về thành viên trong Liên danh nhà thầu hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong Giấy phép hoạt động xây dựng được cấp) cho nhà thầu nước ngoài.

## 2. PHẠM VI

Áp dụng với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng; cung cấp vật tư - thiết bị công nghệ kèm theo dịch vụ kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

## 4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.</li> <li>- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng (Gọi tắt là Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).</li> <li>- Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định 1134/QĐ-BXD ngày 31/12/2024 của Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> <li>- Quyết định số.....V/v ủy quyền.....</li> </ul>		
5.2	<b>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:</b> Không có.		
5.3	<b>Thành phần hồ sơ</b>	<b>Bản chính</b>	<b>Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực</b>



	5.3.1 Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 08 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.	X	X	
	5.3.2. Các tài liệu chứng minh cho nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X	
<b>5.4</b>	<b>Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ			
<b>5.5</b>	<b>Thời gian xử lý:</b> 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
<b>5.6</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả:</b> - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a>			
<b>5.7</b>	<b>Lệ phí:</b> 2.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.			
<b>5.8</b>	<b>Quy trình xử lý công việc:</b> 20 ngày (160 giờ)			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/Kết quả</b>
<b>Bước 1</b>	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ <a href="http://dichvucong.angiang.gov.vn">http://dichvucong.angiang.gov.vn</a> - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	1 ngày (8 giờ)	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.  - Chuyển hồ sơ.
<b>Bước 2</b>	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày (8 giờ)	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xử lý, thẩm định hồ sơ.</li> <li>- Xác minh (nếu có).</li> <li>- Niêm yết, công khai (nếu có).</li> <li>- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).</li> <li>- Trình lãnh đạo phê duyệt.</li> </ul>	Chuyên viên phòng chuyên môn	15 ngày (120 giờ)	
<b>Bước 3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> <li>- Lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> </ul>	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	1 ngày (8 giờ)  1 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng</li> <li>- Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HCC</li> </ul>	Văn thư Văn phòng Sở	1 ngày (8 giờ)	
<b>Bước 5</b>	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	

## 6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 07	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 07 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
2	Mẫu số 08	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 08 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

## 7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 08 Phụ lục số III Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.
2	Các tài liệu chứng minh cho nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3	Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

**Mẫu số 07****SỞ XÂY DỰNG ...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.../QĐ-SXD.ĐC

..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH****Điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài****GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG .....**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 35/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số ..../2024/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Giấy phép hoạt động xây dựng số ..../20.../QĐ-SXD ngày ...tháng...năm.... của Sở Xây dựng .... cấp cho Công ty (hoặc Liên danh)/ông, bà .....*;

*Căn cứ pháp lý có liên quan .....*;

*Căn cứ đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng ngày... tháng ...năm....của Công ty (hoặc Liên danh)/ông, bà .....*;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh..... trong Giấy phép hoạt động xây dựng số ..../20.../QĐ-SXD do Sở Xây dựng .... cấp ngày ...tháng...năm.... Các nội dung khác của Giấy phép hoạt động xây dựng số ..../20.../QĐ-SXD ngày ...tháng...năm.... không thay đổi.

**Điều 2.** Văn bản này là một phần không tách rời của Giấy phép hoạt động xây dựng số ..../20.../QĐ-SXD ngày ...tháng...năm ...

**Điều 3.** Văn bản này được lập và sao gửi như quy định tại Điều 4 Giấy phép hoạt động xây dựng số ..../20.../QĐ-SXD ngày .. tháng.. năm ....

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Sở Xây dựng ...

**GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG.....***(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 08****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Văn bản số:.....

..., ngày ...tháng... năm ...

Kính gửi: Sở Xây dựng.....

Tôi: .....(Họ tên) Chức vụ: .....

Được ủy quyền của ông (bà):..... theo giấy ủy quyền:...(kèm theo đơn này)

Đại diện cho: .....

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc: .....

Số điện thoại:..... Fax:..... E.mail: .....

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam: .....

Số điện thoại: .....Fax:.....E.mail: .....

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được Sở Xây dựng... cấp giấy phép hoạt động xây dựng số....., ngày..... để thực hiện công việc thuộc dự án .....Đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung:

Lý do đề nghị điều chỉnh: .....

Chúng tôi đề nghị Sở Xây dựng .... điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1. Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp
2. Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung điều chỉnh: .....
3. Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị điều chỉnh là thầu phụ)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax..... E.mail .....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

**THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)...***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)*